

*Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2025*

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**  
**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV-CTCP**

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP;

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Quy chế Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 22/4/2025;

Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP vào ngày 22/4/2025,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024, kế hoạch năm 2025.**

**1. Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024**

- Tổng doanh thu:
  - + Hợp nhất toàn Tổng công ty: Cả năm đạt: 13.277,6 tỷ đồng/12.048 tỷ đồng, bằng 110,2% KHN.
  - + Công ty mẹ - Tổng công ty: Cả năm đạt: 12.462,8 tỷ đồng/7.730 tỷ đồng, đạt 161,2% KHN.
- Lợi nhuận: Thực hiện cả năm: đạt 1.565,79 tỷ đồng/300 tỷ đồng KH (Trong đó: Công ty mẹ lãi: 1.585,88 tỷ đồng/256 tỷ đồng KH; CTCP Kim loại màu Thái Nguyên lãi: 86,546 tỷ đồng; CTCP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng lãi: 11,626 tỷ đồng; CTCP Khoáng sản 3 lãi: 7,927 tỷ đồng; CTCP Gang thép Cao Bằng lỗ 160,349 triệu đồng; CTCP Đất hiếm Lai Châu lỗ 42,076 tỷ đồng).
- Nộp ngân sách: 1.697 tỷ đồng.
- Tổng số lao động: 5.015 người, trong đó: Công ty mẹ - Tổng công ty 2.686 người.
- Thu nhập bình quân: 16,457 trđ/người/tháng; trong đó Công ty mẹ - Tổng công ty 20,01 trđ/người/tháng.



- Tổng giá trị thực hiện ĐTXD năm 2024
- + Tổng giá trị thực hiện: 312.668 triệu đồng/ 315.256 triệu đồng (NQ HĐQT), bằng 99,2% KH 2024;
- + Công ty mẹ Tổng công ty: 215.697 triệu đồng/230.016 triệu đồng, bằng 93,77 % KH năm 2024.

*Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành đạt 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.*

## **2. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025**

### **2.1. Sản lượng sản xuất:**

- Mỏ đồng Sin Quyền:
  - + Khối lượng đất đá: 14,0 triệu m<sup>3</sup>, trong đó: đất đá xử lý sạt lở 6,5 triệu m<sup>3</sup>, đất đá bóc khai trường 7,5 triệu m<sup>3</sup>;
  - + Quặng nguyên khai: 1,6 triệu tấn, hàm lượng 0,934% Cu.
- Mỏ đồng Vi Kẽm:
  - + Quặng khai thác: 200.000 tấn, hàm lượng 0,651% Cu.
- + Đào lò CBSX: 4.215 mét.
- Sản phẩm chính toàn Tổng công ty: Tinh quặng đồng (quy 25%) : 61.442 tấn; Đồng tấm: 30.000 tấn; Axit Sunfuric: 137.240 tấn; Tinh quặng sắt: 173.682 tấn; Kẽm thời 99,95%Zn: 8.152 tấn; Phôi thép: 165.000 tấn; Vàng: 806 kg; Bạc: 2.751 kg.

2.2. Tổng doanh thu: 12.619 tỷ đồng, trong đó Công ty mẹ 8.916 tỷ đồng

2.3. Lợi nhuận: 1.000 tỷ đồng, trong đó Công ty mẹ 945 tỷ đồng

2.4. Tiền lương bình quân: Toàn Tcty: 15,51 triệu đồng/người/tháng; Công ty mẹ: 18,79 triệu đồng/người/tháng.

2.5. Nộp ngân sách: 1.420 tỷ đồng.

2.6. Cổ tức:  $\geq 15\%$

### **2.7. Kế hoạch ĐTXD năm 2025**

- Toàn Tổng công ty: 440.870 triệu đồng. Trong đó: Xây lắp: 52.886 triệu đồng; Thiết bị: 296.620 triệu đồng; Chi phí tư vấn và khác: 91.364 triệu đồng.

- Công ty mẹ - Tổng công ty: 334.320 triệu đồng. Trong đó: Xây lắp: 26.539 triệu đồng; Thiết bị: 263.231 triệu đồng; Chi phí tư vấn và khác: 44.550 triệu đồng.

Về tổ chức thực hiện: ĐHĐCĐ giao cho HĐQT chỉ đạo và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát mọi mặt hoạt động, đồng thời ủy quyền cho HĐQT chủ động điều chỉnh kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế, biến động thị trường. Trong đó, kế hoạch tiền lương sẽ được cập nhật theo quy định của Nhà nước và cấp có thẩm quyền.

*Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành đạt 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.*



**Điều 2. Thông qua kết quả SXKD giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch SXKD giai đoạn 2026-2030.**

**1. Thông qua kết quả SXKD giai đoạn 2021-2025**

\* **Doanh thu:** 58.117 tỷ đồng/40.755 tỷ đồng (NQ HĐQT), bằng 142,6% so với NQ NK 2021-2025 và tăng 2,1 lần so với giai đoạn 2016-2020;

\* **Lợi nhuận:** 4.190,5 tỷ đồng/1.016 tỷ đồng (NQ HĐQT), bằng 412,3% so với KH nhiệm kỳ, và tăng 4,97 lần so với giai đoạn 2016 - 2020.

\* **Tiền lương bình quân:** 14,88 triệu đồng/người/tháng.

| TT       | Tên chỉ tiêu                      | ĐVT               | TH năm 2021   | TH năm 2022    | TH năm 2023    | TH năm 2024    | KH năm 2025    | Lũy kế         |
|----------|-----------------------------------|-------------------|---------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
| <b>A</b> | <b>Chỉ tiêu về giá trị</b>        |                   |               |                |                |                |                |                |
| 1        | Doanh thu hợp nhất                | Tr.đ              | 8.009.968     | 12.284.001     | 11.926.836     | 13.277.641     | 12.619.000     | 58.117.445     |
| 2        | Lợi nhuận TT                      | Tr.đ              | 1.143.968     | 247.173        | 233.606        | 1.565.795      | 1.000.000      | 4.190.542      |
| 3        | Lao động bình quân                | Người             | 4.618         | 5.091          | 5.081          | 5.015          | 5.335          | 5.028          |
| 4        | Thu nhập bình quân                | 1.000đ/<br>ng/thg | 14.319        | 13.882         | 14.205         | 16.457         | 15.517         | 14.888         |
| <b>B</b> | <b>Các chỉ tiêu sản lượng</b>     |                   |               |                |                |                |                |                |
| 1        | Tính quặng đồng 25% Cu            | tấn               | 67.403        | 71.269         | 67.543         | 73.742         | 61.442         | 341.398        |
| 2        | Đồng tấm Katốt 99,95% Cu          | tấn               | 18.216        | 30.742         | 29.178         | 30.079         | 30.000         | 138.215        |
| 3        | Kẽm thoi 99,95%Zn                 | tấn               | 12.500        | 12.500         | 11.660         | 9.159          | 8.152          | 53.971         |
| 4        | Thiếc thoi                        | tấn               | 132,5         | 169,2          | 191,6          | 208,4          | 213,4          | 915,09         |
| -        | <i>KSLK Cao Bằng</i>              | <i>tấn</i>        | <i>126,1</i>  | <i>149,1</i>   | <i>152,8</i>   | <i>145,9</i>   | <i>140,0</i>   | <i>713,88</i>  |
| -        | <i>Thái Nguyên</i>                | <i>tấn</i>        | <i>6,38</i>   | <i>20,07</i>   | <i>38,87</i>   | <i>62,47</i>   | <i>73,43</i>   | <i>201,22</i>  |
| 5        | Quặng sắt                         | tấn               | 198.407       | 188.633        | 188.518        | 205.221        | 173.681        | 954.460        |
| 6        | Phôi thép                         | tấn               | 200.006       | 145.006        | 206.552        | 170.240        | 165.000        | 886.804        |
| 7        | Tính quặng chì 50% Pb             | tấn               | 4.877         | 6.019          | 4.900          | 3.907          | 3.752          | 23.455         |
| 8        | AxitSunfuric                      | tấn               | 102.965       | 127.424        | 129.155        | 146.762        | 137.240        | 643.545        |
|          | <i>- Luyện đồng Lào Cai</i>       | <i>tấn</i>        | <i>85.229</i> | <i>112.910</i> | <i>113.403</i> | <i>129.392</i> | <i>125.864</i> | <i>566.798</i> |
|          | <i>- Kim loại màu Thái Nguyên</i> | <i>tấn</i>        | <i>17.736</i> | <i>14.514</i>  | <i>15.752</i>  | <i>17.370</i>  | <i>11.376</i>  | <i>76.747</i>  |
| 9        | Vàng                              | kg                | 666           | 1.114          | 962            | 845            | 806            | 4.393          |
| 10       | Bạc                               | kg                | 670           | 1.451          | 1.744          | 2.112,90       | 2.751          | 8.728          |

*Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành đạt 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.*

**2. Thông qua kế hoạch SXKD giai đoạn 2026-2030**

**2.1. Các chỉ tiêu chính:**

- Doanh thu hợp nhất toàn Tổng công ty: 68.815 tỷ đồng, bằng 118,4% so với giai đoạn 2021-2025.

- Lợi nhuận hợp nhất toàn Tổng công ty: 3.626 tỷ đồng, trong đó: Lợi nhuận từ khoáng sản 3.522 tỷ đồng; Kinh doanh khác 104 tỷ đồng.

- Tiền lương bình quân: 16,348 triệu đồng/người/tháng.



| T<br>T   | Tên chỉ tiêu                  | ĐVT  | Năm 2026   | Năm 2027   | Năm 2028   | Năm 2029   | Năm 2030   | LŨY KẾ     |
|----------|-------------------------------|------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|
| <b>A</b> | <b>Chỉ tiêu về giá trị</b>    |      |            |            |            |            |            |            |
| 1        | Doanh thu hợp nhất            | Tr.đ | 13.492.000 | 13.597.000 | 13.855.000 | 13.914.000 | 13.957.000 | 68.815.000 |
| 2        | Lợi nhuận trước thuế          | Tr.đ | 1.125.000  | 591.000    | 533.000    | 613.000    | 764.000    | 3.626.000  |
| <b>B</b> | <b>Các chỉ tiêu sản lượng</b> |      |            |            |            |            |            |            |
| <b>I</b> | <b>Sản xuất</b>               |      |            |            |            |            |            |            |
| 1        | Tinh quặng đồng 25%Cu         | tấn  | 77.557     | 78.630     | 79.010     | 79.597     | 78.996     | 393.790    |
| 2        | Đồng tấm Katốt 99,95% Cu      | tấn  | 30.000     | 30.000     | 30.000     | 30.000     | 30.000     | 150.000    |
| 3        | Kẽm thỏi 99,95%Zn             | tấn  | 8.316      | 8.336      | 10.145     | 10.223     | 10.092     | 47.112     |
| 4        | Thiếc thỏi                    | tấn  | 208        | 208        | 231        | 230        | 231        | 1.108      |
| 5        | Quặng sắt                     | tấn  | 329.966    | 395.746    | 380.619    | 380.274    | 380.760    | 1.867.365  |
| 6        | Phôi thép, thép hình, ...     | tấn  | 190.000    | 180.000    | 220.000    | 220.000    | 220.000    | 1.030.000  |
| 7        | Tinh quặng chì 50% Pb         | tấn  | 3.755      | 3.755      | 3.879      | 3.879      | 3.879      | 19.148     |
| 8        | AxitSunfuric                  | tấn  | 132.618    | 132.174    | 135.227    | 134.931    | 135.227    | 670.178    |
| 9        | Vàng                          | kg   | 927        | 936        | 939        | 945        | 939        | 4.685      |
| 10       | Bạc                           | kg   | 1.654      | 1.641      | 1.636      | 1.628      | 1.636      | 8.196      |

2.2. Kế hoạch 5 năm 2026-2030 được xây dựng trên cơ sở định mức:

- Khâu khai thác lộ thiên, hầm lò: theo hướng dẫn của TKV là áp dụng đơn giá công đoạn theo Quyết định số 1829/QĐ-TKV ngày 29/12/2021.

- Khâu tuyển khoáng, luyện kim: áp dụng theo bộ định mức Tổng công ty trình TKV phê duyệt tại thời điểm lập KH (đến nay đã được TKV và HĐQT phê duyệt theo QĐ số 112/QĐ-VIMICO ngày 10/02/2025);

2.3. Đại hội đồng cổ đông thông qua và ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh phù hợp với Bộ định mức KTKT của Tổng công ty và diễn biến thực tế của thị trường, thay đổi chính sách của Nhà nước.

*Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành đạt 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.*

**Điều 3. Thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024; BCTC Công ty Mẹ năm 2024; Phương án phân phối lợi nhuận Công ty mẹ năm 2024; Kết quả thực hiện chi trả tiền lương 2024 và kế hoạch chi trả thù lao 2025.**

**I. Báo cáo tài chính hợp nhất; BCTC Công ty mẹ - Tổng công ty đã được kiểm toán năm 2024**

*1. Công ty mẹ Tổng công ty*

*1.1. Bảng cân đối kế toán*



ĐVT: triệu đồng

| STT       | Chỉ tiêu              | Cuối kỳ          | Đầu năm          |
|-----------|-----------------------|------------------|------------------|
| <b>I</b>  | <b>Tổng tài sản</b>   | <b>7.491.194</b> | <b>7.401.505</b> |
| 1         | Tài sản ngắn hạn      | 3.818.990        | 2.850.295        |
| 2         | Tài sản dài hạn       | 3.672.204        | 4.551.210        |
| <b>II</b> | <b>Tổng nguồn vốn</b> | <b>7.491.194</b> | <b>7.401.505</b> |
| 1         | Nợ phải trả           | 3.986.598        | 5.037.546        |
| 2         | Vốn chủ sở hữu        | 3.504.597        | 2.363.960        |
|           | Tr.đó: Vốn điều lệ    | 2.000.000        | 2.000.000        |
|           | LNST chưa phân phối   | 1.301.400        | 175.213          |

## 1.2. Kết quả SXKD

ĐVT: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu                  | Cuối kỳ    | Đầu năm    |
|-----|---------------------------|------------|------------|
| 1   | Tổng doanh thu            | 12.497.883 | 11.791.227 |
| 2   | Tổng lợi nhuận trước thuế | 1.585.883  | 241.655    |
| 3   | Tổng lợi nhuận sau thuế   | 1.272.407  | 178.914    |

## 2. Hợp nhất toàn Tổng công ty

## 2.1. Bảng cân đối kế toán

ĐVT: triệu đồng

| STT       | Chỉ tiêu              | Cuối kỳ          | Đầu năm          |
|-----------|-----------------------|------------------|------------------|
| <b>I</b>  | <b>Tổng tài sản</b>   | <b>9.613.760</b> | <b>9.394.454</b> |
| 1         | Tài sản ngắn hạn      | 4.569.690        | 3.507.642        |
| 2         | Tài sản dài hạn       | 5.044.070        | 5.886.811        |
| <b>II</b> | <b>Tổng nguồn vốn</b> | <b>9.613.760</b> | <b>9.394.454</b> |
| 1         | Nợ phải trả           | 5.598.436        | 6.444.132        |
| 2         | Vốn chủ sở hữu        | 4.015.324        | 2.950.322        |
|           | Tr.đó: Vốn điều lệ    | 2.000.000        | 2.000.000        |
|           | LNST chưa phân phối   | 1.367.336        | 244.177          |

## 2.2. Kết quả SXKD

ĐVT: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu                  | Cuối kỳ    | Đầu năm    |
|-----|---------------------------|------------|------------|
| 1   | Tổng doanh thu            | 13.312.713 | 11.933.417 |
| 2   | Tổng lợi nhuận trước thuế | 1.565.795  | 271.441    |
| 3   | Tổng lợi nhuận sau thuế   | 1.224.015  | 189.543    |

(Có BCTC đã được kiểm toán kèm theo)



**II. Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ; Phương án trả cổ tức năm 2024**

| STT | Nội dung  | Số tiền                  |
|-----|---|--------------------------|
| 1   | LNST còn lại chưa phân phối đến hết năm 2023(T4/2024)               | -                        |
| 2   | LNST 2023 tăng/giảm theo KL KTNN 2024 (KT BCTC 2023)                | 28.993.097.385           |
| 3   | Lợi nhuận sau thuế năm 2024   | 1.272.406.919.893        |
| 4   | <b>Tổng Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>                       | <b>1.301.400.017.278</b> |
| 5   | <b>Tổng Lợi nhuận sau thuế được phân phối</b>                       | <b>1.301.400.017.278</b> |
| 6   | <b>Phương án PPLN</b>   |                          |
| 6.1 | Chi trả cổ tức (15%)( $6.1 = 2.000.000.000.000 \times 15\%$ )       | 300.000.000.000          |
| 6.2 | Bù đắp các khoản lỗ năm trước đã hết thời hạn bù vào LNNT           | -                        |
| 6.3 | Phân phối các quỹ   | 471.302.350.882          |
| a   | Trích quỹ ĐTPT  | 390.000.000.000          |
| b   | Trích quỹ KTPL (1,5 tháng lương TH)                                 | 80.622.100.882           |
| c   | Trích quỹ thưởng người QLDN (1 tháng lương TH VCQL)                 | 680.250.000              |
| 7   | <b>LNST còn lại chưa phân phối đến hết năm 2024 (Kỳ ĐH T4/2025)</b> | <b>530.097.666.396</b>   |

**III. Kết quả thực hiện chi trả tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS và người quản lý Tổng công ty năm 2024 và Kế hoạch 2025.**

Kết quả thực hiện chi trả tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS và người quản lý Tổng công ty năm 2024 và Kế hoạch 2025 có các nội dung chính như sau:

**1. Thực hiện 2024**

**1.1. Tiền lương của Người quản lý Tổng công ty chuyên trách**

*Đơn vị tính: đồng*

| TT | Chức danh         | Số người  | KH năm 2024          | TH năm 2024          |
|----|-------------------|-----------|----------------------|----------------------|
| 1  | Tổng giám đốc     | 01        | 612.000.000          | 734.400.000          |
| 2  | Phó Tổng giám đốc | 05        | 2.754.000.000        | 2.891.700.000        |
| 3  | Kế toán trưởng    | 01        | 510.000.000          | 612.000.000          |
|    | <b>Tổng cộng</b>  | <b>07</b> | <b>3.876.000.000</b> | <b>4.238.100.000</b> |

**1.2. Tiền lương của TV HĐQT, Trưởng ban KS chuyên trách**

*Đơn vị tính: đồng*

| TT | Chức danh        | Số người  | KH năm 2024          | TH năm 2024          |
|----|------------------|-----------|----------------------|----------------------|
| 1  | TV HĐQT          | 01        | 550.800.000          | 660.960.000          |
| 2  | TB kiểm soát     | 01        | 571.200.000          | 685.440.000          |
|    | <b>Tổng cộng</b> | <b>02</b> | <b>1.122.000.000</b> | <b>1.346.400.000</b> |



## 1.3. Phụ cấp TV HĐQT độc lập

Đơn vị tính: đồng

| TT | Chức danh       | Số người  | KH 2024            | TH năm 2024        | Ghi chú |
|----|-----------------|-----------|--------------------|--------------------|---------|
| 1  | TV HĐQT độc lập | 01        | 324.000.000        | 324.000.000        |         |
|    | <b>Cộng</b>     | <b>01</b> | <b>324.000.000</b> | <b>324.000.000</b> |         |

Hình thức chi: VIMICO chi trả trực tiếp.

1.4. Thù lao của TV HĐQT, Thành viên Ban KS không chuyên trách: chi trả bằng 20% mức tiền lương thực hiện. (Đối với Người đại diện của TKV chi trả bằng 20% mức lương cơ bản)

Đơn vị tính: đồng

| TT | Chức danh    | Số người  | KH năm 2024        | TH năm 2024        |
|----|--------------|-----------|--------------------|--------------------|
| 1  | CT HĐQT      | 01        | 74.400.000         | 74.400.000         |
| 2  | TV HĐQT      | 02        | 129.600.000        | 129.600.000        |
| 3  | TV kiểm soát | 02        | 129.600.000        | 129.600.000        |
|    | <b>Cộng</b>  | <b>05</b> | <b>333.600.000</b> | <b>333.600.000</b> |

Hình thức chi:

- Chuyển về TKV đối với thù lao của người được TKV cử làm đại diện nhưng hưởng lương của TKV.
- VIMICO trực tiếp trả thù lao đối với người được TKV cử làm đại diện nhưng hưởng lương trực tiếp của VIMICO.

## 2. Kế hoạch 2025

## 2.1. Tiền lương của Người quản lý Tổng công ty chuyên trách

Đơn vị tính: đồng

| TT | Chức danh         | Số người  | Tiền lương tháng | Tiền lương năm       |
|----|-------------------|-----------|------------------|----------------------|
| 1  | Tổng giám đốc     | 01        | 60.000.000       | 720.000.000          |
| 2  | Phó Tổng giám đốc | 05        | 54.000.000       | 3.240.000.000        |
| 3  | Kế toán trưởng    | 01        | 50.000.000       | 600.000.000          |
|    | <b>Tổng cộng</b>  | <b>07</b> |                  | <b>4.560.000.000</b> |

## 2.2. Tiền lương của TV HĐQT, Trưởng ban KS chuyên trách

Đơn vị tính: đồng

| TT | Chức danh    | Số người  | Tiền lương tháng | Tiền lương năm       |
|----|--------------|-----------|------------------|----------------------|
| 1  | TV HĐQT      | 01        | 54.000.000       | 648.000.000          |
| 2  | TB Kiểm soát | 01        | 56.000.000       | 672.000.000          |
|    | <b>Cộng</b>  | <b>02</b> |                  | <b>1.320.000.000</b> |



2.3. Thù lao của Chủ tịch HĐQT, TV HĐQT, Thành viên BKS không chuyên trách: tạm tính bằng 20% mức lương cơ bản.

*Đơn vị tính: đồng*

| TT | Chức danh       | Tiền lương tháng | Số người  | Tỷ lệ | Thù lao tháng | Thù lao năm        |
|----|-----------------|------------------|-----------|-------|---------------|--------------------|
| 1  | Chủ tịch HĐQT   | 31.000.000       | 01        | 20%   | 6.200.000     | 74.400.000         |
| 2  | Thành viên HĐQT | 27.000.000       | 02        | 20%   | 5.400.000     | 129.600.000        |
| 3  | Thành viên BKS  | 27.000.000       | 02        | 20%   | 5.400.000     | 129.600.000        |
|    | <b>Cộng</b>     |                  | <b>05</b> |       |               | <b>333.600.000</b> |

Quỹ thù lao thực hiện được xác định trên cơ sở số TV HĐQT, BKS không chuyên trách thực tế tại các thời điểm trong năm, thời gian làm việc và mức thù lao (tính theo tháng) do Tổng công ty xác định **tối đa bằng 20% mức tiền lương thực hiện** của TV chuyên trách.

2.4. Phụ cấp TV HĐQT độc lập: chi trả bằng mức tiền lương cơ bản của TV HĐQT chuyên trách.

*Đơn vị tính: đồng*

| TT | Chức danh       | Số người  | Tiền lương tháng | Tiền lương năm     |
|----|-----------------|-----------|------------------|--------------------|
| 1  | TV HĐQT độc lập | 01        | 27.000.000       | 324.000.000        |
|    | <b>Cộng</b>     | <b>01</b> |                  | <b>324.000.000</b> |

Phụ cấp TV HĐQT độc lập chi trả bằng TM/CK vào ngày 05 đến 10 hàng tháng và hạch toán vào chi phí SXKD Công ty mẹ Tcty năm 2024.

*Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành đạt 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.*

**Điều 4. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024, nhiệm kỳ 2020-2025 và phương hướng năm 2025, nhiệm kỳ 2025-2030.**

Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP.

*Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành đạt 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.*

**Điều 5. Thông qua kết quả bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2025 - 2030.**

**1. Thành viên Hội đồng quản trị gồm các ông có tên sau:**

- Ông: Nguyễn Văn Hải
- Ông: Trịnh Văn Tuệ
- Ông: Đặng Đức Hưng
- Ông: Ngô Quốc Trung
- Ông: Nguyễn Văn Thái



**2. Kiểm soát viên Ban kiểm soát gồm các ông có tên sau:**

- Ông: Lương Văn Lĩnh
- Ông: Phạm Xuân Phong
- Ông: Nguyễn Nam Hưng

*Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành đạt 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.*

**Điều 6. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về thẩm định báo cáo tài chính và nội dung liên quan hoạt động năm 2024 của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP; Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024 và tổng kết nhiệm kỳ 2020 - 2025, định hướng nhiệm kỳ 2025 - 2030.**

Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về thẩm định báo cáo tài chính và nội dung liên quan hoạt động năm 2024 của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP; Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024 và tổng kết nhiệm kỳ 2020 - 2025, định hướng nhiệm kỳ 2025 - 2030.

*Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành đạt 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.*

**Điều 7. Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025.**

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thống nhất:

1. Thông qua danh sách các Công ty kiểm toán (làm cơ sở để lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Tổng công ty) được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2025, gồm:

- Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học TP. Hồ Chí Minh AISC;

- Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam;

- Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc Tế;

- Công ty TNHH Kiểm toán BDO (BDO).

2. ĐHĐCĐ thông qua và ủy quyền cho Tổng Giám đốc Tổng công ty tổ chức lựa chọn 01 Công ty kiểm toán (theo danh sách trên) và ký kết hợp đồng kiểm toán BCTC năm 2025 của Tổng công ty, đảm bảo một số nguyên tắc chính:

- Tổ chức lựa chọn Công ty kiểm toán đảm bảo đủ năng lực và phí kiểm toán cạnh tranh;

- Kiểm toán BCTC và phát hành báo cáo kiểm toán Công ty mẹ và các đơn vị trực thuộc cho năm tài chính 2025, bao gồm cả báo cáo soát xét bán niên độ (01/01/2025 đến 30/06/2025);



- Kiểm toán BCTC và phát hành báo cáo kiểm toán hợp nhất Tổng công ty cho năm tài chính năm 2025, bao gồm cả báo cáo soát xét bán niên độ (01/01/2025 đến 30/06/2025).

*Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành đạt 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.*

**Điều 8. Thông qua Hợp đồng khai thác, sàng tuyển, chế biến khoáng sản năm 2025 với TKV.**

Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua Hợp đồng khai thác, sàng tuyển, chế biến khoáng sản năm 2025 giữa Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP và cổ đông là Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam với những nội dung điều khoản như bản dự thảo Hợp đồng kèm theo.

*Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành đạt 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.*

**Điều 9. Điều khoản thi hành**

1. Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP biểu quyết thông qua với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần biểu quyết của các cổ đông có mặt tại ĐHĐCĐ.

2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và toàn thể Cổ đông của Tổng công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. ĐHĐCĐ giao HĐQT và Ban điều hành tổ chức triển khai thực hiện theo thẩm quyền, chức năng hoạt động của mình phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP./.

**Nơi nhận:**

- TKV; UBCK Nhà nước (b/c);
- HĐQT; BKS (E-copy);
- ĐU; CĐ; ĐTN (E-Copy);
- Các đơn vị, phòng ban (E-copy);
- Các cổ đông của Tổng công ty;
- Website Tổng công ty;
- Lưu: VT; HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**



**Nguyễn Văn Hải**

T.C.P \*



Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2025

**BIÊN BẢN**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**  
**TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP**

Hôm nay, vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 22 tháng 4 năm 2025, tại số 193 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP đã tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

**A. TÊN, ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH, MÃ SỐ DOANH NGHIỆP**

Tên doanh nghiệp: Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP

Địa chỉ trụ sở chính: số 193 Nguyễn Huy Tưởng, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Mã số doanh nghiệp: 0100103087 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/7/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 28/4/2021.

**B. THÀNH PHẦN THAM DỰ ĐẠI HỘI**

Đại diện cổ đông đủ điều kiện được mời tham dự đại hội có 2.256 cổ đông và người đại diện được ủy quyền, đại diện cho 200.000.000 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP.

Thành phần tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 Tổng công ty Khoáng sản TKV- CTCP gồm có:

- Cổ đông Tập đoàn CN Than - Khoáng sản Việt Nam: Đại diện ủy quyền là ông Nguyễn Văn Hải; chức vụ: Trưởng ban của TKV, Chủ tịch HĐQT Tổng công ty.

- Các cổ đông và đại diện cho các cổ đông khác của Tổng công ty (có Danh sách kèm theo).

- Các đại biểu khác, gồm:

+ Ông Trịnh Văn Tuệ - Bí thư Đảng ủy - Tổng giám đốc Tổng công ty

+ Ông Lương Văn Lĩnh - Trưởng Ban kiểm soát Tổng công ty

+ Ông Nguyễn Văn Phục - Chủ tịch Công đoàn Tổng công ty

+ Các thành viên HĐQT, các thành viên Ban kiểm soát, Phó Bí thư ĐU, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Phó Chủ tịch Công đoàn, Bí thư ĐTN; Trưởng các Phòng, Ban chức năng Tổng công ty, Giám đốc các đơn vị trực thuộc Tổng công ty.





### **C. NỘI DUNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thảo luận, thông qua và phê duyệt những nội dung sau:

- Thông qua Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng năm 2024 và giai đoạn 2021 - 2025, phương hướng nhiệm vụ năm 2025 và giai đoạn 2026 - 2030 của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP.

- Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh 05 năm 2026-2030 của Tổng công ty Khoáng sản - TKV.

- Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị.

- Bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Tổng công ty nhiệm kỳ 2025-2030.

- Thông qua Báo cáo hoạt động của BKS năm 2024, giai đoạn 2020-2025 và phương hướng nhiệm vụ 2025, giai đoạn 2025-2030; Báo cáo của Ban Kiểm soát về thẩm định báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2024 của Tổng công ty Khoáng sản - TKV.

- Thông qua BCTC và phương án phân phối lợi nhuận Công ty mẹ 2024.

- Thông qua việc thực hiện chi trả tiền lương, thù lao Người quản lý năm 2024 và kế hoạch năm 2025.

- Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025.

- Thông qua hợp đồng khai thác, sàng tuyển, chế biến khoáng sản năm 2025 với Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

- Các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

### **D. DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI**

#### **I. Chào cờ tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu:**

Ông Hoàng Văn Hà - Chánh Văn phòng Tổng công ty điều hành chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu.

#### **II. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông**

Bà Nguyễn Thị Thanh Loan - Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông trình bày kết quả kiểm tra tư cách cổ đông và tuyên bố ĐHĐCĐ đủ điều kiện tiến hành. Nội dung cơ bản của kết quả kiểm tra tư cách cổ đông như sau:

\* Tính đến 17h00 ngày 13/03/2025 theo xác nhận của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam "VSDC".

- Tổng số cổ đông của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP: 2.256 cổ đông trong đó có 07 tổ chức và 2.248 cá nhân trong nước; 01 cá nhân nước ngoài.

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP: 200.000.000 cổ phần

- Tổng số cổ đông được mời tham dự Đại hội: 2.256 cổ đông sở hữu 200.000.000 cổ phần (tương ứng với 100% số cổ phần có quyền biểu quyết)

\* Tính đến 08h00 ngày 22/04/2025 thời gian bắt đầu diễn ra cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025: Số đại biểu là cổ đông và đại diện được ủy quyền hợp lệ tham dự ĐHĐCĐ là 14 người, sở hữu và đại diện cho 196.881.674 cổ phần, chiếm 98,44% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP.



\* Tính đến 09h45 ngày 22/04/2025 thời gian bắt đầu diễn ra cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025: Số đại biểu là cổ đông và đại diện được ủy quyền hợp lệ tham dự ĐHĐCĐ là 20 người, sở hữu và đại diện cho 196.962.474 cổ phần, chiếm 98,481% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP.

\* Tính đến 10h05 ngày 22/04/2025 thời gian bắt đầu diễn ra cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025: Số đại biểu là cổ đông và đại diện được ủy quyền hợp lệ tham dự ĐHĐCĐ là 21 người, sở hữu và đại diện cho 196.962.774 cổ phần, chiếm 98,4813% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP.

- Căn cứ quy định của Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, các văn bản hướng dẫn thi hành và Điều lệ Tổng công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP là hợp pháp, hợp lệ và đủ điều kiện tiến hành.  
(Có Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông kèm theo).

### **III. Giới thiệu Chủ tọa**

Ông Hoàng Văn Hà - Chánh Văn phòng Tổng công ty thay mặt Ban Tổ chức giới thiệu ông Nguyễn Văn Hải - Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP làm Chủ tọa ĐHĐCĐ. Ông Nguyễn Văn Hải - Chủ tọa giới thiệu và mời Ông Trịnh Văn Tuệ - TV.HĐQT - Tổng giám đốc Tổng công ty cùng tham gia Chủ tọa điều hành Đại hội.

### **IV. Giới thiệu và biểu quyết thông qua Ban Thư ký ĐHĐCĐ**

#### **1. Giới thiệu Ban Thư ký**

Để giúp việc ghi chép diễn biến ĐHĐCĐ, Chủ tọa đã giới thiệu Ban Thư ký gồm các thành viên sau:

- Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tổng công ty - Trưởng ban
- Ông Lại Trí Cường - Trưởng phòng KH Tổng công ty - Thành viên

#### **2. Biểu quyết thông qua Ban Thư ký**

Ông Nguyễn Văn Hải - Chủ tọa, chủ trì biểu quyết thông qua Ban Thư ký:

\* *Hình thức biểu quyết: Thẻ biểu quyết*

\* *Tỷ lệ biểu quyết:*

- *Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: 196.881.674 phiếu/196.881.674 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.*

- *Tổng số phiếu hợp lệ: 196.881.674 phiếu/196.881.674 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.*

- *Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu/196.881.674 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.*

- *Số phiếu tán thành: 196.881.674 phiếu/196.881.674 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.*

- *Số phiếu không tán thành: 0 phiếu/196.881.674 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.*

- *Số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu/196.881.674 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.*

Kết quả: 100% số phiếu có quyền biểu quyết thông qua thành phần Ban Thư ký Đại hội.



## **V. Giới thiệu và biểu quyết thông qua Ban kiểm tra kết quả biểu quyết**

### **1. Giới thiệu danh sách Ban kiểm tra kết quả biểu quyết**

Để thực hiện công tác kiểm đếm tỷ lệ biểu quyết của ĐHĐCĐ, Chủ tọa giới thiệu thành phần Ban kiểm tra kết quả biểu quyết để ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua là 05 người, trong đó 01 Trưởng ban và 04 thành viên như sau:

- |  |            |
|--|------------|
| 1. Ông Nguyễn Thanh Long - Phó phòng QTK Tổng công ty: | Trưởng Ban |
| 2. Ông Đỗ Hoàng Thái - Chuyên viên Phòng CĐ TCty:      | Thành viên |
| 3. Bà Vũ Thanh Hằng - Phó Ban TCHC Công đoàn TCty:     | Thành viên |
| 4. Bà Nguyễn Ngọc Diệp - Chuyên viên Phòng QTK TCT:    | Thành viên |
| 5. Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Chuyên viên Phòng TCKT TCT: | Thành viên |

### **2. Biểu quyết thông qua số lượng và danh sách Ban kiểm tra kết quả biểu quyết**

Ông Nguyễn Văn Hải - Chủ tọa, chủ trì biểu quyết thông qua số lượng và danh sách Ban kiểm tra kết quả biểu quyết.

*\* Hình thức biểu quyết: Thẻ biểu quyết*

*\* Tỷ lệ biểu quyết:*

- Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: 196.881.674 phiếu/196.881.674 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu hợp lệ: 196.881.674 phiếu/196.881.674 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu/196.881.674 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Số phiếu tán thành: 196.881.674 phiếu/196.881.674 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Số phiếu không tán thành: 0 phiếu/196.881.674 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu/196.881.674 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp".

Kết quả: 100% số phiếu có quyền biểu quyết thông qua thành phần Ban kiểm tra kết quả biểu quyết.

## **VI. Chương trình ĐHĐCĐ và Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.**

### **1. Chương trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025**

Bà Nguyễn Thị Thanh Loan - Trưởng phòng TCLĐ Tổng công ty trình bày Chương trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 (có nội dung chi tiết chương trình kèm theo).

Ông Nguyễn Văn Hải - Chủ tọa, chủ trì thông qua Chương trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.



\* Hình thức biểu quyết: Thê biểu quyết

\* Tỷ lệ biểu quyết:

- Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: 196.881.674 phiếu/196.881.674 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu hợp lệ: 196.881.674 phiếu/196.881.674 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu/196.881.674 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Số phiếu tán thành: 196.881.674 phiếu/196.881.674 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Số phiếu không tán thành: 0 phiếu/196.881.674 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu/196.881.674 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp”.

Kết quả: 100% số phiếu có quyền biểu quyết thông qua Chương trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.

## **2. Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025**

Bà Nguyễn Thị Thanh Loan - Trưởng phòng TCLĐ Tổng công ty trình bày Dự thảo Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 (có nội dung chi tiết Quy chế kèm theo).

Ông Nguyễn Văn Hải - Chủ tọa, chủ trì thông qua Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.

\* Hình thức biểu quyết: Thê biểu quyết

\* Tỷ lệ biểu quyết:

- Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: 196.881.674 phiếu/196.881.674 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu hợp lệ: 196.881.674 phiếu/196.881.674 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu/196.881.674 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Số phiếu tán thành: 196.881.674 phiếu/196.881.674 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Số phiếu không tán thành: 0 phiếu/196.881.674 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu/196.881.674 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp”.

Kết quả: 100% số phiếu có quyền biểu quyết thông qua Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.



**VII- Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng năm 2024 và giai đoạn 2021 - 2025, phương hướng nhiệm vụ năm 2025 và giai đoạn 2026 - 2030 của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP.**

Ông Trịnh Văn Tuệ - Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Tổng công ty trình bày Báo cáo số 638/BC-VIMICO ngày 14/3/2025 về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng năm 2024 và giai đoạn 2021 - 2025, phương hướng nhiệm vụ năm 2025 và giai đoạn 2026 - 2030 của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP.

**1. Kết quả SXKD, ĐTXD năm 2024**

Sau khi tiếp thu ý kiến của cổ đông TKV tại văn bản số: 2052/TKV-KSNB ngày 11/4/2025, kết quả SXKD, ĐTXD năm 2024 có các nội dung chính như sau:

- Tổng doanh thu:
  - + Hợp nhất toàn Tổng công ty: Cả năm đạt: 13.277,6 tỷ đồng/12.048 tỷ đồng, bằng 110,2% KHN.
  - + Công ty mẹ - Tổng công ty: Cả năm đạt: 12.462,8 tỷ đồng/7.730 tỷ đồng, đạt 161,2% KHN.
  - Lợi nhuận: Thực hiện cả năm: đạt 1.565,79 tỷ đồng/300 tỷ đồng KH (Trong đó: Công ty mẹ lãi: 1.585,88 tỷ đồng/256 tỷ đồng KH; CTCP Kim loại màu Thái Nguyên lãi: 86,546 tỷ đồng; CTCP Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng lãi: 11,626 tỷ đồng; CTCP Khoáng sản 3 lãi: 7,927 tỷ đồng; CTCP Gang thép Cao Bằng lỗ 160,349 triệu đồng; CTCP Đất hiếm Lai Châu lỗ 42,076 tỷ đồng).
  - Nộp ngân sách: 1.697 tỷ đồng.
  - Tổng số lao động: 5.015 người, trong đó: Công ty mẹ - Tổng công ty 2.686 người.
  - Thu nhập bình quân: 16,457 trđ/người/tháng; trong đó Công ty mẹ - Tổng công ty 20,01 trđ/người/tháng.
  - Tổng giá trị thực hiện ĐTXD năm 2024
    - + Tổng giá trị thực hiện: 312.668 triệu đồng/ 315.256 triệu đồng (NQ HĐQT), bằng 99,2% KH 2024;
    - + Công ty mẹ Tổng công ty: 215.697 triệu đồng/230.016 triệu đồng, bằng 93,77 % KH năm 2024.

**2. Kế hoạch SXKD, ĐTXD năm 2025**

Sau khi tiếp thu ý kiến của cổ đông TKV tại văn bản số: 2052/TKV-KSNB ngày 11/4/2025, Kế hoạch SXKD, ĐTXD năm 2025 có các nội dung chính như sau:

- 2.1. Sản lượng sản xuất:
  - Mỏ đồng Sin Quyền:
    - + Khối lượng đất đá: 14,0 triệu m<sup>3</sup>, trong đó: đất đá xử lý sạt lở 6,5 triệu m<sup>3</sup>, đất đá bóc khai trường 7,5 triệu m<sup>3</sup>.



- + Quặng nguyên khai: 1,6 triệu tấn, hàm lượng 0,934% Cu.
- Mô đồng Vi Kẽm:
- + Quặng khai thác: 200.000 tấn, hàm lượng 0,651% Cu.
- + Đào lò CBSX: 4.215 mét.
- Sản phẩm chính toàn TCTY: Tinh quặng đồng (quy 25%) : 61.442 tấn; Đồng tấm: 30.000 tấn; Axit Sunfuric: 137.240 tấn; Tinh quặng sắt: 173.682 tấn; Kẽm thỏi 99,95%Zn: 8.152 tấn; Phôi thép: 165.000 tấn; Vàng: 806 kg; Bạc: 2.751 kg.
- 2.2. Tổng doanh thu: 12.619 tỷ đồng, trong đó Công ty mẹ 8.916 tỷ đồng
- 2.3. Lợi nhuận: 1.000 tỷ đồng, trong đó Công ty mẹ 945 tỷ đồng
- 2.4. Tiền lương bình quân: Toàn Tcty: 15,51 triệu đồng/người/tháng; Công ty mẹ: 18,79 triệu đồng/người/tháng.
- 2.5. Nộp ngân sách: 1.420 tỷ đồng.
- 2.6. Cổ tức:  $\geq 15\%$
- 2.7. Kế hoạch ĐTXD năm 2025
- Toàn Tổng công ty: 440.870 triệu đồng. Trong đó: Xây lắp: 52.886 triệu đồng; Thiết bị: 296.620 triệu đồng; Chi phí tư vấn và khác: 91.364 triệu đồng.
- Công ty mẹ - Tổng công ty: 334.320 triệu đồng. Trong đó: Xây lắp: 26.539 triệu đồng; Thiết bị: 263.231 triệu đồng; Chi phí tư vấn và khác: 44.550 triệu đồng.

Về tổ chức thực hiện: ĐHĐCĐ giao cho HĐQT chỉ đạo và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát mọi mặt hoạt động, đồng thời ủy quyền cho HĐQT chủ động điều chỉnh kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế, biến động thị trường. Trong đó, kế hoạch tiền lương sẽ được cập nhật theo quy định của Nhà nước và cấp có thẩm quyền.

### 3. Thông qua kết quả SXKD giai đoạn 2021-2025

\* **Doanh thu:** 58.117 tỷ đồng/40.755 tỷ đồng (NQ HĐQT), bằng 142,6% so với NQ NK 2021-2025 và tăng 2,1 lần so với giai đoạn 2016-2020;

\* **Lợi nhuận:** 4.190,5 tỷ đồng/1.016 tỷ đồng (NQ HĐQT), bằng 412,3% so với KH nhiệm kỳ, và tăng 4,97 lần so với giai đoạn 2016 - 2020.

\* **Tiền lương bình quân:** 14,88 triệu đồng/người/tháng.

| TT | Tên chỉ tiêu        | ĐVT               | TH năm 2021 | TH năm 2022 | TH năm 2023 | TH năm 2024 | KH năm 2025 | Lũy kế     |
|----|---------------------|-------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|-------------|------------|
| A  | Chỉ tiêu về giá trị |                   |             |             |             |             |             |            |
| 1  | Doanh thu hợp nhất  | Tr.đ              | 8.009.968   | 12.284.001  | 11.926.836  | 13.277.641  | 12.619.000  | 58.117.445 |
| 2  | Lợi nhuận TT        | Tr.đ              | 1.143.968   | 247.173     | 233.606     | 1.565.795   | 1.000.000   | 4.190.542  |
| 3  | Lao động bình quân  | Người             | 4.618       | 5.091       | 5.081       | 5.015       | 5.335       | 5.028      |
| 4  | Thu nhập bình quân  | 1.000đ/<br>ng/thg | 14.319      | 13.882      | 14.205      | 16.457      | 15.517      | 14.888     |



| TT       | Tên chỉ tiêu                      | ĐVT        | TH năm 2021   | TH năm 2022    | TH năm 2023    | TH năm 2024    | KH năm 2025    | Lũy kế         |
|----------|-----------------------------------|------------|---------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
| <b>B</b> | <b>Các chỉ tiêu sản lượng</b>     |            |               |                |                |                |                |                |
| 1        | Tinh quặng đồng 25% Cu            | tấn        | 67.403        | 71.269         | 67.543         | 73.742         | 61.442         | 341.398        |
| 2        | Đồng tấm Katốt 99,95% Cu          | tấn        | 18.216        | 30.742         | 29.178         | 30.079         | 30.000         | 138.215        |
| 3        | Kẽm thỏi 99,95%Zn                 | tấn        | 12.500        | 12.500         | 11.660         | 9.159          | 8.152          | 53.971         |
| 4        | Thiếc thỏi                        | tấn        | 132,5         | 169,2          | 191,6          | 208,4          | 213,4          | 915,09         |
| -        | <i>KSLK Cao Bằng</i>              | <i>tấn</i> | <i>126,1</i>  | <i>149,1</i>   | <i>152,8</i>   | <i>145,9</i>   | <i>140,0</i>   | <i>713,88</i>  |
| -        | <i>Thái Nguyên</i>                | <i>tấn</i> | <i>6,38</i>   | <i>20,07</i>   | <i>38,87</i>   | <i>62,47</i>   | <i>73,43</i>   | <i>201,22</i>  |
| 5        | Quặng sắt                         | tấn        | 198.407       | 188.633        | 188.518        | 205.221        | 173.681        | 954.460        |
| 6        | Phôi thép                         | tấn        | 200.006       | 145.006        | 206.552        | 170.240        | 165.000        | 886.804        |
| 7        | Tinh quặng chì 50% Pb             | tấn        | 4.877         | 6.019          | 4.900          | 3.907          | 3.752          | 23.455         |
| 8        | AxitSunfuric                      | tấn        | 102.965       | 127.424        | 129.155        | 146.762        | 137.240        | 643.545        |
|          | <i>- Luyện đồng Lào Cai</i>       | <i>tấn</i> | <i>85.229</i> | <i>112.910</i> | <i>113.403</i> | <i>129.392</i> | <i>125.864</i> | <i>566.798</i> |
|          | <i>- Kim loại màu Thái Nguyên</i> | <i>tấn</i> | <i>17.736</i> | <i>14.514</i>  | <i>15.752</i>  | <i>17.370</i>  | <i>11.376</i>  | <i>76.747</i>  |
| 9        | Vàng                              | kg         | 666           | 1.114          | 962            | 845            | 806            | 4.393          |
| 10       | Bạc                               | kg         | 670           | 1.451          | 1.744          | 2.112,90       | 2.751          | 8.728          |

#### 4. Thông qua kế hoạch SXKD giai đoạn 2026-2030

##### 4.1. Các chỉ tiêu chính:

- Doanh thu hợp nhất toàn Tổng công ty: 68.815 tỷ đồng, bằng 118,4% so với giai đoạn 2021-2025.
- Lợi nhuận hợp nhất toàn Tổng công ty: 3.626 tỷ đồng, trong đó: Lợi nhuận từ khoáng sản 3.522 tỷ đồng; Kinh doanh khác 104 tỷ đồng.
- Tiền lương bình quân: 16,348 triệu đồng/người/tháng.

| T<br>T   | Tên chỉ tiêu                  | ĐVT  | Năm 2026   | Năm 2027   | Năm 2028   | Năm 2029   | Năm 2030   | LŨY KẾ     |
|----------|-------------------------------|------|------------|------------|------------|------------|------------|------------|
| <b>A</b> | <b>Chỉ tiêu về giá trị</b>    |      |            |            |            |            |            |            |
| 1        | Doanh thu hợp nhất            | Tr.đ | 13.492.000 | 13.597.000 | 13.855.000 | 13.914.000 | 13.957.000 | 68.815.000 |
| 2        | Lợi nhuận trước thuế          | Tr.đ | 1.125.000  | 591.000    | 533.000    | 613.000    | 764.000    | 3.626.000  |
| <b>B</b> | <b>Các chỉ tiêu sản lượng</b> |      |            |            |            |            |            |            |
| <b>I</b> | <b>Sản xuất</b>               |      |            |            |            |            |            |            |
| 1        | Tinh quặng đồng 25% Cu        | tấn  | 77.557     | 78.630     | 79.010     | 79.597     | 78.996     | 393.790    |
| 2        | Đồng tấm Katốt 99,95% Cu      | tấn  | 30.000     | 30.000     | 30.000     | 30.000     | 30.000     | 150.000    |
| 3        | Kẽm thỏi 99,95%Zn             | tấn  | 8.316      | 8.336      | 10.145     | 10.223     | 10.092     | 47.112     |
| 4        | Thiếc thỏi                    | tấn  | 208        | 208        | 231        | 230        | 231        | 1.108      |
| 5        | Quặng sắt                     | tấn  | 329.966    | 395.746    | 380.619    | 380.274    | 380.760    | 1.867.365  |
| 6        | Phôi thép, thép hình, ...     | tấn  | 190.000    | 180.000    | 220.000    | 220.000    | 220.000    | 1.030.000  |
| 7        | Tinh quặng chì 50% Pb         | tấn  | 3.755      | 3.755      | 3.879      | 3.879      | 3.879      | 19.148     |
| 8        | AxitSunfuric                  | tấn  | 132.618    | 132.174    | 135.227    | 134.931    | 135.227    | 670.178    |
| 9        | Vàng                          | kg   | 927        | 936        | 939        | 945        | 939        | 4.685      |
| 10       | Bạc                           | kg   | 1.654      | 1.641      | 1.636      | 1.628      | 1.636      | 8.196      |

##### 4.2. Kế hoạch 5 năm 2026-2030 được xây dựng trên cơ sở định mức:

- Khâu khai thác lộ thiên, hầm lò: theo hướng dẫn của TKV là áp dụng đơn giá công đoạn theo Quyết định số 1829/QĐ-TKV ngày 29/12/2021.



- Khâu tuyển khoáng, luyện kim: áp dụng theo bộ định mức Tổng công ty trình TKV phê duyệt tại thời điểm lập KH (đến nay đã được TKV và HĐQT phê duyệt theo QĐ số 112/QĐ-VIMICO ngày 10/02/2025);

4.3. Đại hội đồng cổ đông thông qua và ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh phù hợp với Bộ định mức KTKT của Tổng công ty và diễn biến thực tế của thị trường, thay đổi chính sách của Nhà nước.

### **VIII. Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024; BCTC Công ty Mẹ năm 2024; Phương án phân phối lợi nhuận Công ty mẹ năm 2024; Kết quả thực hiện chi trả tiền lương 2024 và kế hoạch chi trả thù lao 2025**

Ông Nguyễn Văn Viên - Kế toán trưởng Tổng công ty trình bày Tờ trình số 656/TTr-VIMICO ngày 14/3/2025 về việc thông qua BCTC hợp nhất và BCTC Công ty mẹ - Tổng công ty đã được kiểm toán 2024 và Phương án phân phối lợi nhuận Công ty mẹ - Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP; Tờ trình số 652/TTr-VIMICO ngày 14/3/2025 về việc thực hiện chi trả tiền lương, thù lao Người quản lý năm 2024 và kế hoạch chi trả thù lao 2025. Với các nội dung chính như sau:

#### **I. Báo cáo tài chính hợp nhất; BCTC Công ty mẹ - Tổng công ty đã được kiểm toán năm 2024**

##### ***1. Công ty mẹ Tổng công ty***

##### ***1.1. Bảng cân đối kế toán***

*DVT: triệu đồng*

| STT       | Chỉ tiêu                   | Cuối kỳ          | Đầu năm          |
|-----------|----------------------------|------------------|------------------|
| <b>I</b>  | <b>Tổng tài sản</b>        | <b>7.491.194</b> | <b>7.401.505</b> |
| 1         | Tài sản ngắn hạn           | 3.818.990        | 2.850.295        |
| 2         | Tài sản dài hạn            | 3.672.204        | 4.551.210        |
| <b>II</b> | <b>Tổng nguồn vốn</b>      | <b>7.491.194</b> | <b>7.401.505</b> |
| 1         | Nợ phải trả                | 3.986.598        | 5.037.546        |
| 2         | Vốn chủ sở hữu             | 3.504.597        | 2.363.960        |
|           | <i>Tr.đó: Vốn điều lệ</i>  | <i>2.000.000</i> | <i>2.000.000</i> |
|           | <i>LNST chưa phân phối</i> | <i>1.301.400</i> | <i>175.213</i>   |

##### ***1.2. Kết quả SXKD***

*DVT: triệu đồng*

| STT | Chỉ tiêu                  | Cuối kỳ    | Đầu năm    |
|-----|---------------------------|------------|------------|
| 1   | Tổng doanh thu            | 12.497.883 | 11.791.227 |
| 2   | Tổng lợi nhuận trước thuế | 1.585.883  | 241.655    |
| 3   | Tổng lợi nhuận sau thuế   | 1.272.407  | 178.914    |



## 2. Hợp nhất toàn Tổng công ty

### 2.1. Bảng cân đối kế toán

DVT: triệu đồng

| STT       | Chỉ tiêu              | Cuối kỳ          | Đầu năm          |
|-----------|-----------------------|------------------|------------------|
| <b>I</b>  | <b>Tổng tài sản</b>   | <b>9.613.760</b> | <b>9.394.454</b> |
| 1         | Tài sản ngắn hạn      | 4.569.690        | 3.507.642        |
| 2         | Tài sản dài hạn       | 5.044.070        | 5.886.811        |
| <b>II</b> | <b>Tổng nguồn vốn</b> | <b>9.613.760</b> | <b>9.394.454</b> |
| 1         | Nợ phải trả           | 5.598.436        | 6.444.132        |
| 2         | Vốn chủ sở hữu        | 4.015.324        | 2.950.322        |
|           | Tr.đó: Vốn điều lệ    | 2.000.000        | 2.000.000        |
|           | LNST chưa phân phối   | 1.367.336        | 244.177          |

### 2.2. Kết quả SXKD

DVT: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu                  | Cuối kỳ    | Đầu năm    |
|-----|---------------------------|------------|------------|
| 1   | Tổng doanh thu            | 13.312.713 | 11.933.417 |
| 2   | Tổng lợi nhuận trước thuế | 1.565.795  | 271.441    |
| 3   | Tổng lợi nhuận sau thuế   | 1.224.015  | 189.543    |

(Có BCTC đã được kiểm toán kèm theo)

## II. Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ ; Phương án trả cổ tức năm 2024

ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 đã thông qua kế hoạch SXKD năm 2024, trong đó tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2024 là  $\geq 6\%$  ( Nghị quyết số 933/NQ-VIMICO ngày 23/4/2024).

Căn cứ kết quả SXKD năm 2024 và sau khi tiếp thu ý kiến của cổ đông TKV tại văn bản số: 2052/TKV-KSNB ngày 11/4/2025, phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 Cty mẹ TCT như sau:

| STT | Nội dung  | Số tiền                  |
|-----|---|--------------------------|
| 1   | LNST còn lại chưa phân phối đến hết năm 2023(T4/2024) | -                        |
| 2   | LNST 2023 tăng/giảm theo KL KTN 2024 (KT BCTC 2023)   | 28.993.097.385           |
| 3   | Lợi nhuận sau thuế năm 2024                           | 1.272.406.919.893        |
| 4   | <b>Tổng Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>         | <b>1.301.400.017.278</b> |
| 5   | <b>Tổng Lợi nhuận sau thuế được phân phối</b>         | <b>1.301.400.017.278</b> |



|          |   |                        |
|----------|---|------------------------|
| <b>6</b> | <b>Phương án PPLN</b>   |                        |
| 6.1      | Chi trả cổ tức (15%)( $6.1 = 2.000.000.000.000 \times 15\%$ )       | 300.000.000.000        |
| 6.2      | Bù đắp các khoản lỗ năm trước đã hết thời hạn bù vào LNTT           | -                      |
| 6.3      | Phân phối các quỹ   | 471.302.350.882        |
| a        | Trích quỹ ĐTPT  | 390.000.000.000        |
| b        | Trích quỹ KTPL (1,5 tháng lương TH)                                 | 80.622.100.882         |
| c        | Trích quỹ thưởng người QLDN (1 tháng lương TH VCQL)                 | 680.250.000            |
| <b>7</b> | <b>LNST còn lại chưa phân phối đến hết năm 2024 (Kỳ ĐH T4/2025)</b> | <b>530.097.666.396</b> |

### III. Kết quả thực hiện chi trả tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS và người quản lý Tổng công ty năm 2024 và Kế hoạch 2025

Kết quả thực hiện chi trả tiền lương, thù lao của HĐQT, BKS và người quản lý Tổng công ty năm 2024 và Kế hoạch 2025 có các nội dung chính như sau:

#### 1. Thực hiện 2024

##### 1.1. Tiền lương của Người quản lý Tổng công ty chuyên trách

*Đơn vị tính: đồng*

| TT | Chức danh         | Số người  | KH năm 2024          | TH năm 2024          |
|----|-------------------|-----------|----------------------|----------------------|
| 1  | Tổng giám đốc     | 01        | 612.000.000          | 734.400.000          |
| 2  | Phó Tổng giám đốc | 05        | 2.754.000.000        | 2.891.700.000        |
| 3  | Kế toán trưởng    | 01        | 510.000.000          | 612.000.000          |
|    | <b>Tổng cộng</b>  | <b>07</b> | <b>3.876.000.000</b> | <b>4.238.100.000</b> |

##### 1.2. Tiền lương của TV HĐQT, Trưởng ban KS chuyên trách

*Đơn vị tính: đồng*

| TT | Chức danh        | Số người  | KH năm 2024          | TH năm 2024          |
|----|------------------|-----------|----------------------|----------------------|
| 1  | TV HĐQT          | 01        | 550.800.000          | 660.960.000          |
| 2  | TB kiểm soát     | 01        | 571.200.000          | 685.440.000          |
|    | <b>Tổng cộng</b> | <b>02</b> | <b>1.122.000.000</b> | <b>1.346.400.000</b> |

##### 1.3. Phụ cấp TV HĐQT độc lập

*Đơn vị tính: đồng*

| TT | Chức danh       | Số người  | KH 2024            | TH năm 2024        | Ghi chú |
|----|-----------------|-----------|--------------------|--------------------|---------|
| 1  | TV HĐQT độc lập | 01        | 324.000.000        | 324.000.000        |         |
|    | <b>Cộng</b>     | <b>01</b> | <b>324.000.000</b> | <b>324.000.000</b> |         |

Hình thức chi: VIMICO chi trả trực tiếp.

1.4. Thù lao của TV HĐQT, Thành viên Ban KS không chuyên trách: chi trả bằng 20% mức tiền lương thực hiện. (Đối với Người đại diện của TKV chi trả bằng 20% mức lương cơ bản)



Đơn vị tính: đồng

| TT | Chức danh    | Số người  | KH năm 2024        | TH năm 2024        |
|----|--------------|-----------|--------------------|--------------------|
| 1  | CT HĐQT      | 01        | 74.400.000         | 74.400.000         |
| 2  | TV HĐQT      | 02        | 129.600.000        | 129.600.000        |
| 3  | TV kiểm soát | 02        | 129.600.000        | 129.600.000        |
|    | <b>Cộng</b>  | <b>05</b> | <b>333.600.000</b> | <b>333.600.000</b> |

Hình thức chi:

- Chuyển về TKV đối với thù lao của người được TKV cử làm đại diện nhưng hưởng lương của TKV.

- VIMICO trực tiếp trả thù lao đối với người được TKV cử làm đại diện nhưng hưởng lương trực tiếp của VIMICO.

## 2. Kế hoạch 2025

### 2.1. Tiền lương của Người quản lý Tổng công ty chuyên trách

Đơn vị tính: đồng

| TT | Chức danh         | Số người  | Tiền lương tháng | Tiền lương năm       |
|----|-------------------|-----------|------------------|----------------------|
| 1  | Tổng giám đốc     | 01        | 60.000.000       | 720.000.000          |
| 2  | Phó Tổng giám đốc | 05        | 54.000.000       | 3.240.000.000        |
| 3  | Kế toán trưởng    | 01        | 50.000.000       | 600.000.000          |
|    | <b>Tổng cộng</b>  | <b>07</b> |                  | <b>4.560.000.000</b> |

### 2.2. Tiền lương của TV HĐQT, Trưởng ban KS chuyên trách

Đơn vị tính: đồng

| TT | Chức danh    | Số người  | Tiền lương tháng | Tiền lương năm       |
|----|--------------|-----------|------------------|----------------------|
| 1  | TV HĐQT      | 01        | 54.000.000       | 648.000.000          |
| 2  | TB Kiểm soát | 01        | 56.000.000       | 672.000.000          |
|    | <b>Cộng</b>  | <b>02</b> |                  | <b>1.320.000.000</b> |

### 2.3. Thù lao của Chủ tịch HĐQT, TV HĐQT, Thành viên BKS không chuyên trách: tạm tính bằng 20% mức lương cơ bản.

Đơn vị tính: đồng

| TT | Chức danh       | Tiền lương tháng | Số người  | Tỷ lệ | Thù lao tháng | Thù lao năm        |
|----|-----------------|------------------|-----------|-------|---------------|--------------------|
| 1  | Chủ tịch HĐQT   | 31.000.000       | 01        | 20%   | 6.200.000     | 74.400.000         |
| 2  | Thành viên HĐQT | 27.000.000       | 02        | 20%   | 5.400.000     | 129.600.000        |
| 3  | Thành viên BKS  | 27.000.000       | 02        | 20%   | 5.400.000     | 129.600.000        |
|    | <b>Cộng</b>     |                  | <b>05</b> |       |               | <b>333.600.000</b> |

Quỹ thù lao thực hiện được xác định trên cơ sở số TV HĐQT, BKS không chuyên trách thực tế tại các thời điểm trong năm, thời gian làm việc và mức thù lao (tính theo tháng) do Tổng công ty xác định **tối đa bằng 20% mức tiền lương thực hiện** của TV chuyên trách.



2.4. Phụ cấp TV HĐQT độc lập: chi trả bằng mức tiền lương cơ bản của TV HĐQT chuyên trách.

*Đơn vị tính: đồng*

| TT | Chức danh       | Số người  | Tiền lương tháng | Tiền lương năm     |
|----|-----------------|-----------|------------------|--------------------|
| 1  | TV HĐQT độc lập | 01        | 27.000.000       | 324.000.000        |
|    | <b>Cộng</b>     | <b>01</b> |                  | <b>324.000.000</b> |

Phụ cấp TV HĐQT độc lập chi trả bằng TM/CK vào ngày 05 đến 10 hàng tháng và hạch toán vào chi phí SXKD Công ty mẹ Tcty năm 2024.

#### **IX. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024, nhiệm kỳ 2020-2025 và phương hướng năm 2025, nhiệm kỳ 2025-2030.**

Ông Nguyễn Văn Hải - Chủ tịch HĐQT Tổng công ty trình bày Báo cáo số 658/BC-VIMICO ngày 14/3/2025 về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024, nhiệm kỳ 2020-2025 và phương hướng năm 2025, nhiệm kỳ 2025-2030 (có Báo cáo kèm theo).

#### **X. Bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát**

##### **1. Thông qua Quy chế ứng cử, đề cử và bầu cử HĐQT, BKS**

Ông Nguyễn Thanh Long - Trưởng Ban kiểm tra kết quả biểu quyết trình bày Dự thảo Quy chế ứng cử, đề cử và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Tổng công ty nhiệm kỳ 2025-2030.

Ông Nguyễn Văn Hải - Chủ tọa chủ trì biểu quyết thông qua Quy chế ứng cử, đề cử và bầu cử HĐQT, BKS.

*\* Hình thức biểu quyết: Thẻ biểu quyết*

*\* Tỷ lệ biểu quyết:*

- Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: 196.962.774 phiếu/196.962.774 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu hợp lệ: 196.962.774 phiếu/196.962.774 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu/196.962.774 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Số phiếu tán thành: 196.962.774 phiếu/196.962.774 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Số phiếu không tán thành: 0 phiếu/196.962.774 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu/196.962.774 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp".

Kết quả: 100% số phiếu có quyền biểu quyết thông qua Quy chế ứng cử, đề cử và bầu cử HĐQT, BKS.



## **2. Giới thiệu danh sách đề cử, ứng cử HĐQT, BKS**

Ông Nguyễn Văn Hải - Chủ tọa đọc Quyết định cử nhân sự Đại diện của TKV tham gia HĐQT, BKS Tổng công ty Khoáng sản - TKV nhiệm kỳ 2025-2030 và đề cử nhân sự tham gia thành viên độc lập HĐQT nhiệm kỳ 2025-2030.

Ông Nguyễn Văn Hải - Chủ tọa đề nghị các cổ đông khác đề cử, ứng cử nhân sự tham gia HĐQT, BKS theo tỷ lệ sở hữu hoặc đại diện cổ phần theo quy định của Điều lệ Tổng công ty và chủ trì thông qua "Danh sách đề cử, ứng cử HĐQT, BKS" để Đại hội tiến hành bầu cử, bao gồm:

### **\* Danh sách đề cử, ứng cử HĐQT**

- Ông: Nguyễn Văn Hải - Cán bộ QLPV thuộc Ban Quản lý vốn TKV; Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP nhiệm kỳ 2020-2025;

- Ông: Trịnh Văn Tuệ - Thành viên HĐQT Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP nhiệm kỳ 2020-2025; Tổng giám đốc Tổng công ty;

- Ông: Đặng Đức Hưng - Thành viên HĐQT chuyên trách Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP nhiệm kỳ 2020-2025;

- Ông: Ngô Quốc Trung - Thành viên HĐQT Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP nhiệm kỳ 2020-2025; Phó Tổng giám đốc Tổng công ty;

- Ông: Nguyễn Văn Thái - Thành viên độc lập HĐQT Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP nhiệm kỳ 2020-2025;

### **\* Danh sách đề cử, ứng cử Ban kiểm soát**

- Ông: Lương Văn Lĩnh - Trưởng Ban kiểm soát Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP nhiệm kỳ 2020-2025;

- Ông: Phạm Xuân Phong - Phó trưởng Ban Kiểm soát nội bộ Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam; Thành viên BKS Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP nhiệm kỳ 2020-2025;

- Ông: Nguyễn Nam Hưng - Trưởng phòng CĐ Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP; Thành viên BKS Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP nhiệm kỳ 2020-2025;

## **3. Hướng dẫn và tổ chức bầu cử**

- Ông Nguyễn Thanh Long - Trưởng Ban kiểm tra kết quả biểu quyết lên hướng dẫn cách thức bầu cử và các Thành viên Ban bầu cử thực hiện nhiệm vụ theo Quy chế bầu cử Đại hội vừa thông qua.

- Đại hội tiến hành bầu cử HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2025-2030

- Ban kiểm phiếu phát phiếu, thu phiếu bầu và tiến hành kiểm phiếu.

+ Bầu cử HĐQT: Tổng số phiếu phát ra 17 tổng số phiếu thu vào 17 phiếu.

+ Bầu cử Ban kiểm soát: Tổng số phiếu phát ra 17 tổng số phiếu thu vào 17 phiếu.



**XI. Báo cáo của Ban Kiểm soát về thẩm định báo cáo tài chính và nội dung liên quan hoạt động năm 2024 của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP; Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024 và tổng kết nhiệm kỳ 2020 - 2025, định hướng nhiệm kỳ 2025 - 2030**

Ông Lương Văn Lĩnh - Trưởng Ban kiểm soát Tổng công ty trình bày Báo cáo số 657/BC-VIMICO ngày 14/3/2025 về việc báo cáo của Ban Kiểm soát về thẩm định báo cáo tài chính và nội dung liên quan hoạt động năm 2024 của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP; Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024 và tổng kết nhiệm kỳ 2020 - 2025, định hướng nhiệm kỳ 2025 - 2030 (có Báo cáo kèm theo).

**XII. Lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025**

Ông Lương Văn Lĩnh - Trưởng Ban kiểm soát Tổng công ty trình bày Tờ trình số 655/TTr-VIMICO ngày 14/3/2025 về việc lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 với các nội dung chính sau:

1. Thông qua danh sách các Công ty kiểm toán (làm cơ sở để lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Tổng công ty) được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các đơn vị có lợi ích công chúng thuộc lĩnh vực chứng khoán năm 2025, gồm:

- Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học TP. Hồ Chí Minh AISC;

- Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam;

- Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc Tế;

- Công ty TNHH Kiểm toán BDO (BDO).

2. ĐHCĐ thông qua và ủy quyền cho Tổng Giám đốc Tổng công ty tổ chức lựa chọn 01 Công ty kiểm toán (theo danh sách trên) và ký kết hợp đồng kiểm toán BCTC năm 2025 của Tổng công ty, đảm bảo một số nguyên tắc chính:

- Tổ chức lựa chọn Công ty kiểm toán đảm bảo đủ năng lực và phí kiểm toán cạnh tranh;

- Kiểm toán BCTC và phát hành báo cáo kiểm toán Công ty mẹ và các đơn vị trực thuộc cho năm tài chính 2025, bao gồm cả báo cáo soát xét bán niên độ (01/01/2025 đến 30/06/2025);

- Kiểm toán BCTC và phát hành báo cáo kiểm toán hợp nhất Tổng công ty cho năm tài chính năm 2025, bao gồm cả báo cáo soát xét bán niên độ (01/01/2025 đến 30/06/2025).



### **XIII. Về thông qua Hợp đồng khai thác, sàng tuyển, chế biến khoáng sản năm 2025 với TKV.**

Ông Trịnh Văn Tuệ - Thành viên HĐQT, TGD Tổng công ty trình bày Tờ trình số 653/TTr-VIMICO ngày 14/3/2025 về việc thông qua Hợp đồng khai thác, sàng tuyển, chế biến khoáng sản năm 2025 với TKV.

Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua Hợp đồng khai thác, sàng tuyển, chế biến khoáng sản năm 2025 giữa Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP và cổ đông là Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam với những nội dung điều khoản như bản dự thảo Hợp đồng kèm theo.

### **IX. Thảo luận**

Ông Nguyễn Văn Hải thông báo về việc triển khai Luật số 56/2024/QH15 đối với công ty đại chúng là doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa đã niêm yết, đăng ký giao dịch trước ngày 01/01/2021. Theo đó, Tổng công ty sẽ có những vướng mắc nhất định khi niêm yết cổ phiếu.

### **X. Báo cáo kết quả biểu quyết**

Ông Nguyễn Thanh Long - Trưởng Ban kiểm tra kết quả biểu quyết trình bày Biên bản kiểm tra kết quả biểu quyết (tổng hợp chi tiết các nội dung đã biểu quyết, có Biên bản kèm theo). Kết quả thông qua các nội dung như sau:

#### **\* Kết quả biểu quyết**

#### **1. Kết quả bầu thành viên Hội đồng quản trị**

| TT | Họ tên          | Tổng phiếu bầu |
|----|-----------------|----------------|
| 1  | Nguyễn Văn Hải  | 197.438.173    |
| 2  | Trịnh Văn Tuệ   | 196.838.673    |
| 3  | Đặng Đức Hưng   | 196.838.673    |
| 4  | Ngô Quốc Trung  | 196.838.673    |
| 5  | Nguyễn Văn Thái | 196.852.178    |

#### **2. Kết quả bầu Kiểm soát viên Ban Kiểm soát**

| TT | Họ tên          | Tổng phiếu bầu |
|----|-----------------|----------------|
| 1  | Lương Văn Lĩnh  | 197.202.073    |
| 2  | Phạm Xuân Phong | 196.848.373    |
| 3  | Nguyễn Nam Hưng | 196.832.476    |



(Kèm theo Biên bản kiểm phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030)

### **XI. Thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2025-2030 ra mắt Đại hội**

### **XII. Tổng hợp các vấn đề đã được Đại hội thông qua**

| <b>STT</b> | <b>Nội dung biểu quyết</b>  | <b>Tỷ lệ thông qua</b> |
|------------|---|------------------------|
| 1          | Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng năm 2024   | <b>100%</b>            |
| 2          | Kế hoạch SXKD, ĐTXD năm 2025 của Tổng công ty Khoáng sản - TKV.   | <b>100%</b>            |
| 3          | Thông qua kết quả SXKD giai đoạn 2021-2025  | <b>100%</b>            |
| 4          | Thông qua kế hoạch SXKD giai đoạn 2026-2030   | <b>100%</b>            |
| 5          | BCTC hợp nhất; BCTC Công ty Mẹ - Tổng công ty   | <b>100%</b>            |
| 6          | Phương án phân phối lợi nhuận Công ty mẹ 2024   | <b>100%</b>            |
| 7          | Thực hiện chi trả tiền lương, thù lao Người quản lý năm 2024 và kế hoạch năm 2025.  | <b>100%</b>            |
| 8          | Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024, nhiệm kỳ 2020-2025 và phương hướng năm 2025, nhiệm kỳ 2025-2030.  | <b>100%</b>            |
| 9          | Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về thẩm định báo cáo tài chính và nội dung liên quan hoạt động năm 2024 của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP; Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024 và tổng kết nhiệm kỳ 2020-2025, định hướng nhiệm kỳ 2025-2030. | <b>100%</b>            |
| 10         | Lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025.  | <b>100%</b>            |
| 11         | Hợp đồng khai thác, sàng tuyển, chế biến khoáng sản năm 2025 với TKV.   | <b>100%</b>            |

### **XIII. Thông qua Biên bản, Nghị quyết ĐHĐCĐ**

Ông Lại Trí Cường - Thành viên Ban Thư ký ĐHĐCĐ trình bày toàn văn Dự thảo Biên bản và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP.

#### **1. Thông qua Biên bản ĐHĐCĐ:**

Ý kiến thảo luận về Biên bản Đại hội: không.

Ông Nguyễn Văn Hải - Chủ tọa, chủ trì biểu quyết thông qua Biên bản ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.

*\* Hình thức biểu quyết: Thẻ biểu quyết*



**\* Tỷ lệ biểu quyết:**

- Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: 196.962.774 phiếu/196.962.774 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu hợp lệ: 196.962.774 phiếu/196.962.774 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu/196.962.774 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Số phiếu tán thành: 196.962.774 phiếu/196.962.774 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Số phiếu không tán thành: 0 phiếu/196.962.774 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu/196.962.774 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp”.

Kết quả: 100% số phiếu có quyền biểu quyết nhất trí việc “Thông qua Biên bản ĐHĐCĐ thường niên năm 2025”

**2. Thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ**

Ý kiến thảo luận về Nghị quyết Đại hội: không.

Ông Nguyễn Văn Hải - Chủ tọa, chủ trì biểu quyết thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2025.

**\* Hình thức biểu quyết: Thẻ biểu quyết**

**\* Tỷ lệ biểu quyết:**

- Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: 196.962.774 phiếu/196.962.774 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu hợp lệ: 196.962.774 phiếu/196.962.774 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu/196.962.774 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Số phiếu tán thành: 196.962.774 phiếu/196.962.774 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Số phiếu không tán thành: 0 phiếu/196.962.774 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu/196.962.774 phiếu đạt tỷ lệ 0% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp”.

Kết quả: 100% số phiếu có quyền biểu quyết nhất trí việc “Thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ”

**XIV. Bế mạc ĐHĐCĐ**

Ông Nguyễn Văn Hải - Chủ tọa, tuyên bố bế mạc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP.



Toàn văn Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với sự chấp thuận của 100% cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Biên bản này được lập vào hồi 12h00' ngày 22/4/2025 ngay sau khi Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng công ty Khoáng sản - TKV kết thúc chương trình nghị sự.

Biên bản này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau. 01 (một) bản gửi Ủy Ban chứng khoán Nhà nước, 03 (ba) bản lưu tại Trụ sở chính của Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP.

Đại hội đồng cổ đông bế mạc lúc 12h00' ngày 22/4/2025./.

**TM. BAN THƯ KÝ  
TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Thị Phương Thảo**

**TM. BAN CHỦ TỌA ĐHĐCĐ  
CHỦ TỌA**



**Nguyễn Văn Hải**







CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2025

**BIÊN BẢN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG**  
**Tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025**  
**Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP sửa đổi, bổ sung lần thứ sáu được ban hành kèm theo Quyết định số 380/QĐ-VIMICO ngày 03/5/2024 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP.

Hôm nay, vào hồi 08h00' ngày 22 tháng 4 năm 2025, tại Trụ sở Tổng công ty Khoáng sản - TKV - địa chỉ số 193 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội, Ban kiểm tra tư cách cổ đông Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP (Tổng công ty) (theo Quyết định số 288/QĐ-VIMICO ngày 27/3/2025), bao gồm:

- |   |            |
|---|------------|
| 1. Bà Nguyễn Thị Thanh Loan – Trưởng phòng TCLĐ Tcty:   | Trưởng Ban |
| 2. Bà Ngô Thị Thu Thủy - Phó Trưởng phòng Cơ điện Tcty: | Thành viên |
| 3. Bà Đặng Thị Thu Hiền – Phó trưởng phòng TCLĐ Tcty:   | Thành viên |
| 4. Bà Lê Hà My – Phó chánh Văn phòng Tcty:              | Thành viên |
| 5. Bà Hà Thị Mai Chi - Chuyên viên Phòng TCKT Tcty:     | Thành viên |

Đã thực hiện kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP. Kết quả kiểm tra tư cách cổ đông như sau:

\* Tính đến 17h00 ngày 13/03/2025 theo xác nhận của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam “VSDC”:

- Tổng số cổ đông của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP: 2.256 cổ đông trong đó có 07 tổ chức và 2.248 cá nhân trong nước; 01 cá nhân nước ngoài.

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP: 200.000.000 cổ phần.

- Tổng số cổ đông được mời tham dự Đại hội: 2.256 cổ đông sở hữu 200.000.000 cổ phần (tương ứng với 100% số cổ phần có quyền biểu quyết).

\* **Cổ đông và đại diện theo ủy quyền hợp lệ tham dự đại hội:**

- Tính đến 08h00 ngày 22/04/2025 thời gian bắt đầu diễn ra cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025: Số đại biểu là cổ đông và đại diện được ủy quyền hợp lệ tham dự ĐHĐCĐ là 14 người, sở hữu và đại diện cho 196.881.674 cổ phần, chiếm 98,44% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP.

- Tại thời điểm 09h05 ngày 22/04/2025: Có thêm 06 cổ đông là cá nhân, sở hữu và đại diện theo ủy quyền hợp lệ đăng ký tham dự đại hội, đại diện cho 80.800 cổ phần, chiếm 0,040% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP.

- Tại thời điểm 10h05 ngày 22/04/2025: Có thêm 01 cổ đông là cá nhân, sở hữu và đại diện theo ủy quyền hợp lệ đăng ký tham dự đại hội, đại diện cho



300 cổ phần, chiếm 0,0001% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP.

Như vậy từ thời điểm 10 giờ 5 phút cho đến khi kết thúc Đại hội: Số đại biểu là cổ đông và đại diện được ủy quyền hợp lệ tham dự ĐHĐCĐ là 21 người, sở hữu và đại diện cho 196.962.774 cổ phần, chiếm 98,4813% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP.

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP là hợp pháp, hợp lệ và đủ điều kiện tiến hành. Danh sách các cổ đông tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ đính kèm Biên bản này.

Biên bản này được lập vào hồi 08 giờ 05 và lập bổ sung vào 09 giờ 05, 10 giờ 05 ngày 22 tháng 4 năm 2025./.

**TM. BAN KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG  
TRƯỞNG BAN**



**Nguyễn Thị Thanh Loan**

3010

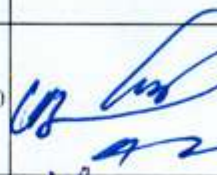

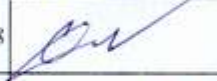












NG C  
ÁNG S

VIMI



# DANH SÁCH CỔ ĐÔNG THAM DỰ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

(Kèm theo Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông ngày 22/4/2025)

| Số TT | Họ và tên  | Mã cổ đông | Số ĐKKD/CMND/Hộ chiếu | Ngày cấp   | Nơi cấp                                   | Số CP       | Số CP được ủy quyền | Tổng số CP biểu quyết | Tỷ lệ     | Chữ ký  |
|-------|--|------------|-----------------------|------------|---|-------------|---------------------|-----------------------|-----------|---|
| 1     | Tập đoàn CN Than -<br>Khoáng sản Việt Nam<br>Ông Nguyễn Văn Hải đại diện 100% phần vốn góp | KSV2255    | 5700100256            | 21/10/2014 | Phòng đăng ký kinh doanh thành phố Hà Nội | 196.117.900 | 196.117.900         | 196.117.900           | 98,058950 |    |
| 2     | Hoàng Văn Hà   | KSV01      | 030068002221          | 19/04/2021 | Cục cảnh sát QLHC về TTXH                 |             | 38.800              | 38.800                | 0,019400  |    |
| 3     | Vũ Ngọc Quý  | KSV1174    | 035083010028          | 29/07/2022 | Cục cảnh sát QLHC về TTXH                 | 5.000       | 152.996             | 157.996               | 0,078998  |    |
| 4     | Đoàn Vũ Long   | KSV2109    | 015081014332          | 17/12/2021 | Cục cảnh sát QLHC về TTXH                 | 5.000       | 155.980             | 160.980               | 0,080490  |    |
| 5     | Nguyễn Ngọc Vịnh   | KSV782     | 034085018092          | 27/06/2021 | Cục cảnh sát QLHC về TTXH                 | 5.000       | 148.962             | 153.962               | 0,076981  |    |
| 6     | Ngô Quang Tuấn   | KSV1281    | 010078002817          | 11/08/2021 | Cục cảnh sát QLHC về TTXH                 | 2.000       | 115.300             | 117.300               | 0,058650  |    |
| 7     | Trần Trọng Quỳnh   | KSV1785    | 010082007838          | 11/8/2021  | Cục cảnh sát QLHC về TTXH                 | 5.000       | 51.800              | 56.800                | 0,028400  |    |
| 8     | Lương Thị Minh Huệ   | KSV02      | 004174000884          | 24/7/2023  | Cục cảnh sát QLHC về TTXH                 |             | 20.480              | 20.480                | 0,010240  |   |
| 9     | Vũ Xuân Vẻ   | KSV2028    | 034081024292          | 19/10/2023 | Cục cảnh sát QLHC về TTXH                 | 5.000       | 19.701              | 24.701                | 0,012351  |  |
| 10    | Nguyễn Văn Chiến   | KSV03      | 033080013596          | 24/7/2023  | Cục cảnh sát QLHC về TTXH                 |             | 17.855              | 17.855                | 0,008928  |  |
| 11    | Nguyễn Trần Ninh   | KSV04      | 022080005389          | 21/4/2021  | Cục cảnh sát QLHC về TTXH                 |             | 14.200              | 14.200                | 0,007100  |  |
| 12    | Trần Văn Cương   | KSV1801    | 035075009797          | 07/02/2022 | Cục cảnh sát QLHC về TTXH                 | 100         |                     | 100                   | 0,000050  |  |
| 13    | Đỗ Quốc Thịnh  | KSV2209    | 001083030044          | 24/07/2021 | Cục cảnh sát QLHC về TTXH                 | 500         |                     | 500                   | 0,000250  |  |
| 14    | Đỗ Đại Minh  | KSV2245    | 01067022499           | 10/10/2022 | Cục cảnh sát QLHC về TTXH                 | 40.600      |                     | 40.600                | 0,020300  |  |
| 15    | Đỗ Đại Minh ủy quyền cho bà Hồ Ngọc Thủy   | KSV2244    | 01067022499           | 09/11/2022 | Cục cảnh sát QLHC về TTXH                 |             | 17.400              | 17.400                | 0,008700  |  |



[illegible]







**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2025*

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU**  
**BẦU CỬ THÀNH VIÊN HĐQT, BKS**  
**TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**  
**CỦA TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp;*

*Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP sửa đổi, bổ sung lần thứ sáu được ban hành kèm theo Quyết định số 380/QĐ-VIMICO ngày 03/5/2024 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP;*

*Căn cứ Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP.*

Hôm nay, vào hồi 09h30 ngày 22/4/2025 tại Trụ sở Tổng công ty Khoáng sản – TKV; số 193 Nguyễn Huy Tưởng, Thanh Xuân, Hà Nội, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP đã bầu Ban Kiểm tra kết quả biểu quyết gồm các thành viên:

- |  |            |
|--|------------|
| 1. Ông Nguyễn Thanh Long - Phó TP QTK Tổng công ty:    | Trưởng Ban |
| 2. Ông Đỗ Hoàng Thái - CV P.CĐ Tổng công ty:           | Thành viên |
| 3. Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Chuyên viên Phòng TCKT TCT: | Thành viên |
| 4. Bà Nguyễn Ngọc Diệp - Chuyên viên Phòng QTK TCT:    | Thành viên |
| 5. Bà Vũ Thanh Hằng - Chuyên trách Công đoàn TCty:     | Thành viên |

Ban Kiểm tra kết quả biểu quyết đã tiến hành kiểm tra phiếu bầu cử HĐQT và BKS Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP nhiệm kỳ 2025-2030 của các cổ đông có mặt và đại diện được ủy quyền tại Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2025 của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP với kết quả như sau:

- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: 200.000.000 cổ phần
- Tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham gia Đại hội: 196.961.274 cổ phần

**I. Bầu thành viên Hội đồng quản trị**

**1. Danh sách đề cử, ứng cử thành viên HĐQT Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP nhiệm kỳ 2025-2030 như sau:**





- Ông Nguyễn Văn Hải
- Ông Trịnh Văn Tuệ
- Ông Ngô Quốc Trung
- Ông Đặng Đức Hưng
- Ông Nguyễn Văn Thái

**2. Kết quả biểu quyết như sau:**

- Số phiếu phát ra: 17 phiếu
- Số phiếu thu vào: 17 phiếu
- Số phiếu hợp lệ: 17 phiếu
- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu

**3. Kết quả kiểm phiếu:**

**Kết quả kiểm phiếu cụ thể như sau:**

| Số TT | Họ và tên       | Số phiếu    | Tỷ lệ % |
|-------|-----------------|-------------|---------|
| 1     | Nguyễn Văn Hải  | 197.438.173 | 20,08   |
| 2     | Trịnh Văn Tuệ   | 196.838.673 | 19,98   |
| 3     | Ngô Quốc Trung  | 196.838.673 | 19,98   |
| 4     | Đặng Đức Hưng   | 196.838.673 | 19,98   |
| 5     | Nguyễn Văn Thái | 196.852.178 | 19,98   |

Căn cứ kết quả kiểm phiếu và số lượng căn bầu đã được Đại hội biểu quyết thông qua, những đồng chí sau đây đã trúng cử vào thành viên HĐQT Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP nhiệm kỳ 2025- 2030 (Xếp thứ tự theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp, tỷ lệ % so với tổng số phiếu bầu)

| Số TT | Họ và tên       | Số phiếu    | Tỷ lệ % |
|-------|-----------------|-------------|---------|
| 1     | Nguyễn Văn Hải  | 197.438.173 | 20,08   |
| 2     | Nguyễn Văn Thái | 196.852.178 | 19,98   |
| 3     | Trịnh Văn Tuệ   | 196.838.673 | 19,98   |
| 4     | Ngô Quốc Trung  | 196.838.673 | 19,98   |
| 5     | Đặng Đức Hưng   | 196.838.673 | 19,98   |

**II. Bầu thành viên Ban Kiểm soát**

**1. Danh sách đề cử, ứng cử thành viên BKS Tổng công ty Khoáng sản TKV-CTCP nhiệm kỳ 2025-2030 như sau:**

- Ông Lương Văn Lĩnh
- Ông Phạm Xuân Phong
- Ông Nguyễn Nam Hưng



## 2. Kết quả biểu quyết như sau:

- Số phiếu phát ra: 17 phiếu
- Số phiếu thu vào: 17 phiếu
- Số phiếu hợp lệ: 17 phiếu
- Số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu

## 3. Kết quả kiểm phiếu:

**Kết quả kiểm phiếu cụ thể như sau:**

| Số TT | Họ và tên       | Số phiếu    | Tỷ lệ % |
|-------|-----------------|-------------|---------|
| 1     | Lương Văn Lĩnh  | 197.202.073 | 33,37   |
| 2     | Phạm Xuân Phong | 196.848.373 | 33,32   |
| 3     | Nguyễn Nam Hưng | 196.832.476 | 33,31   |

Căn cứ kết quả kiểm phiếu và số lượng cần bầu đã được Đại hội biểu quyết thông qua, những đồng chí sau đây đã trúng cử vào thành viên BKS Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP nhiệm kỳ 2025-2030 (Xếp thứ tự theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp, tỷ lệ % so với tổng số phiếu bầu)

| Số TT | Họ và tên       | Số phiếu    | Tỷ lệ % |
|-------|-----------------|-------------|---------|
| 1     | Lương Văn Lĩnh  | 197.202.073 | 33,37   |
| 2     | Phạm Xuân Phong | 196.848.373 | 33,32   |
| 3     | Nguyễn Nam Hưng | 196.832.476 | 33,31   |

Biên bản này được lập thành 03 bản, thông qua Đại hội lúc 11h30' ngày 22 tháng 4 năm 2025.

**T/M ĐOÀN CHỦ TỊCH**

(Chữ ký và họ tên)



*Nguyễn Văn Hải*

**T/M BAN KIỂM PHIẾU**

(Chữ ký và họ tên trưởng ban)

*Nguyễn Thanh Long*

**Nguyễn Thanh Long**





**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2025

**BIÊN BẢN KIỂM TRA KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025  
CỦA TỔNG CÔNG TY KHOÁNG SẢN TKV - CTCP**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP sửa đổi, bổ sung lần thứ sáu được ban hành kèm theo Quyết định số 380/QĐ-VIMICO ngày 03/05/2024 của Hội đồng quản trị Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP;
- Căn cứ Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP.

Hôm nay, ngày 22/04/2025 tại Trụ sở Tổng công ty Khoáng sản – TKV; Số 193 Nguyễn Huy Tường, Thanh Xuân, Hà Nội, ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP đã bầu Ban Kiểm tra kết quả biểu quyết gồm các thành viên:

1. Ông Nguyễn Thanh Long - Phó trưởng phòng QTK Tổng công ty: Trưởng Ban
2. Ông Đỗ Hoàng Thái - Chuyên viên Phòng Cơ điện TCT: Thành viên
3. Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Chuyên viên Phòng TCKT TCT: Thành viên
4. Bà Nguyễn Ngọc Diệp - Chuyên viên Phòng QTK TCT: Thành viên
5. Bà Vũ Thanh Hằng - Chuyên trách Công đoàn TCT: Thành viên

Ban Kiểm tra kết quả biểu quyết đã tiến hành kiểm tra kết quả biểu quyết về các nội dung thông qua tại ĐHĐCĐ của các cổ đông có mặt và đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP với kết quả như sau:

**CÁC NỘI DUNG BIỂU QUYẾT THÔNG QUA:**

**1. Thông qua Chương trình ĐHĐCĐ:**

**Kết quả biểu quyết:**

- \* Hình thức biểu quyết: Thẻ biểu quyết
- \* Tỷ lệ biểu quyết:
  - Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: 196.939.674 phiếu/ 196.939.674 phiếu, đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp
  - Tổng số phiếu hợp lệ: 196.939.674 phiếu/ 196.939.674 phiếu đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp
  - Tổng số phiếu không hợp lệ: 0
  - Số phiếu tán thành: 196.939.674 phiếu/ 196.939.674 phiếu, đạt tỷ lệ 100%
  - Số phiếu không tán thành: 0
  - Số phiếu không có ý kiến: 0

Như vậy, Chương trình ĐHĐCĐ đã được thông qua với tỷ lệ cổ phần biểu quyết tán thành đạt 100% tổng số CP có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.



## **2. Thông qua Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ:**

### ***Kết quả biểu quyết:***

\* Hình thức biểu quyết: Thẻ biểu quyết

\* Tỷ lệ biểu quyết:

- Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: 196.939.674 phiếu/ 196.939.674 phiếu, đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu hợp lệ: 196.939.674 phiếu/ 196.939.674 phiếu, đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0
- Số phiếu tán thành: 196.939.674 phiếu/ 196.939.674 phiếu, đạt tỷ lệ 100%
- Số phiếu không tán thành: 0
- Số phiếu không có ý kiến: 0

Như vậy, Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ đã được thông qua với tỷ lệ cổ phần biểu quyết tán thành đạt 100% tổng số CP có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

## **3. Thông qua Quy chế bầu cử thành viên HĐQT và BKS**

### ***Kết quả biểu quyết:***

\* Hình thức biểu quyết: Thẻ biểu quyết

\* Tỷ lệ biểu quyết:

- Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: 196.962.774 phiếu/ 196.962.774 phiếu, đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu hợp lệ: 196.962.774 phiếu/ 196.962.774 phiếu, đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0
- Số phiếu tán thành: 196.962.774 phiếu/ 196.962.774 phiếu, đạt tỷ lệ 100%
- Số phiếu không tán thành: 0
- Số phiếu không có ý kiến: 0

Như vậy, Quy chế bầu cử thành viên HĐQT và BKS đã được thông qua với tỷ lệ cổ phần biểu quyết tán thành đạt 100% tổng số CP có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

## **4. Thông qua Danh sách ứng cử, đề cử để bầu HĐQT, BKS**

### ***Kết quả biểu quyết:***

\* Hình thức biểu quyết: Thẻ biểu quyết

\* Tỷ lệ biểu quyết:

- Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: 196.962.774 phiếu/ 196.962.774 phiếu, đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu hợp lệ: 196.962.774 phiếu/ 196.962.774 phiếu, đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0
- Số phiếu tán thành: 196.962.774 phiếu/ 196.962.774 phiếu, đạt tỷ lệ 100%
- Số phiếu không tán thành: 0
- Số phiếu không có ý kiến: 0

Như vậy, Danh sách ứng cử, đề cử để bầu HĐQT, BKS đã được thông qua với tỷ lệ cổ phần biểu quyết tán thành đạt 100% tổng số CP có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.



## **5. Thông qua Kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng năm 2024**

### **Kết quả biểu quyết:**

\* Hình thức biểu quyết: Thẻ biểu quyết

\* Tỷ lệ biểu quyết:

- Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: 196.962.774 phiếu/ 196.962.774 phiếu, đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu hợp lệ: 196.962.774 phiếu/ 196.962.774 phiếu, đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0
- Số phiếu tán thành: 196.962.774 phiếu/ 196.962.774 phiếu, đạt tỷ lệ 100%
- Số phiếu không tán thành: 0
- Số phiếu không có ý kiến: 0

Như vậy, Kết quả sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng năm 2024 đã được thông qua với tỷ lệ cổ phần biểu quyết tán thành đạt 100% tổng số CP có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

## **6. Thông qua Kế hoạch SXKD, ĐTXD năm 2025 của Tổng công ty Khoáng sản - TKV.**

### **Kết quả biểu quyết:**

\* Hình thức biểu quyết: Thẻ biểu quyết

\* Tỷ lệ biểu quyết:

- Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: 196.962.774 phiếu/ 196.962.774 phiếu, đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu hợp lệ: 196.962.774 phiếu/ 196.962.774 phiếu, đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0
- Số phiếu tán thành: 196.962.474 phiếu/ 196.962.474 phiếu, đạt tỷ lệ 100%
- Số phiếu không tán thành: 0
- Số phiếu không có ý kiến: 0

Như vậy, Kế hoạch SXKD, ĐTXD năm 2025 của Tổng công ty Khoáng sản - TKV đã được thông qua với tỷ lệ cổ phần biểu quyết tán thành đạt 100% tổng số CP có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

## **7. Thông qua Kết quả SXKD giai đoạn 2021 – 2025.**

\* Hình thức biểu quyết: Thẻ biểu quyết

\* Tỷ lệ biểu quyết:

- Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: 196.962.774 phiếu/ 196.962.774 phiếu, đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu hợp lệ: 196.962.774 phiếu/ 196.962.774 phiếu, đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0
- Số phiếu tán thành: 196.962.774 phiếu/ 196.962.774 phiếu, đạt tỷ lệ 100%
- Số phiếu không tán thành: 0
- Số phiếu không có ý kiến: 0



Như vậy, Kết quả SXKD giai đoạn 2021 – 2025 của Tổng công ty Khoáng sản - TKV đã được thông qua với tỷ lệ cổ phần biểu quyết tán thành đạt 100% tổng số CP có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

#### **8. Thông qua Kế hoạch SXKD giai đoạn 2026 – 2030.**

\* Hình thức biểu quyết: Thẻ biểu quyết

\* Tỷ lệ biểu quyết:

- Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: 196.962.774 phiếu/ 196.962.774 phiếu, đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu hợp lệ: 196.962.774 phiếu/ 196.962.774 phiếu, đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0
- Số phiếu tán thành: 196.962.774 phiếu/ 196.962.774 phiếu, đạt tỷ lệ 100%
- Số phiếu không tán thành: 0
- Số phiếu không có ý kiến: 0

Như vậy, Kế hoạch SXKD giai đoạn 2026 – 2030 của Tổng công ty Khoáng sản - TKV đã được thông qua với tỷ lệ cổ phần biểu quyết tán thành đạt 100% tổng số CP có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

#### **9. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán.**

\* Hình thức biểu quyết: Thẻ biểu quyết

\* Tỷ lệ biểu quyết:

- Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: 196.962.774 phiếu/ 196.962.774 phiếu, đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu hợp lệ: 196.962.774 phiếu/ 196.962.774 phiếu, đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0
- Số phiếu tán thành: 196.962.774 phiếu/ 196.962.774 phiếu, đạt tỷ lệ 100%
- Số phiếu không tán thành: 0
- Số phiếu không có ý kiến: 0

Như vậy, Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán của Tổng công ty Khoáng sản - TKV đã được thông qua với tỷ lệ cổ phần biểu quyết tán thành đạt 100% tổng số CP có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

#### **10. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận Công ty mẹ - Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP năm 2024**

\* Hình thức biểu quyết: Thẻ biểu quyết

\* Tỷ lệ biểu quyết:

- Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: 196.962.774 phiếu/ 196.962.774 phiếu, đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu hợp lệ: 196.962.774 phiếu/ 196.962.774 phiếu, đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0
- Số phiếu tán thành: 196.962.774 phiếu/ 196.962.774 phiếu, đạt tỷ lệ 100%
- Số phiếu không tán thành: 0



- Số phiếu không có ý kiến: 0

Như vậy, Phương án phân phối lợi nhuận Công ty mẹ - Tổng công ty Khoáng sản TKV – CTCP năm 2024 đã được thông qua với tỷ lệ cổ phần biểu quyết tán thành đạt 100% tổng số CP có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

**11. Thông qua Kết quả thực hiện tiền lương, thù lao Thành viên HĐQT, BKS năm 2024 và kế hoạch năm 2025.**

***Kết quả biểu quyết:***

\* Hình thức biểu quyết: Thờ biểu quyết

\* Tỷ lệ biểu quyết:

- Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: 196.962.774 phiếu/ 196.962.774 phiếu, đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

- Tổng số phiếu hợp lệ: 196.962.774 phiếu/ 196.962.774 phiếu, đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp

- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0

- Số phiếu tán thành: 196.962.774 phiếu/ 196.962.774 phiếu, đạt tỷ lệ 100%

- Số phiếu không tán thành: 0

- Số phiếu không có ý kiến: 0

Như vậy, nội dung thực hiện tiền lương, thù lao Thành viên HĐQT, BKS năm 2024 và kế hoạch năm 2025 đã được thông qua với tỷ lệ cổ phần biểu quyết tán thành đạt 100% tổng số CP có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

**12. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024, nhiệm kỳ 2020 – 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025, nhiệm kỳ 2025 - 2030.**

***Kết quả biểu quyết:***

\* Hình thức biểu quyết: Thờ biểu quyết

\* Tỷ lệ biểu quyết:

- Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: 196.962.774 phiếu/ 196.962.774 phiếu, đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp

- Tổng số phiếu hợp lệ: 196.962.774 phiếu/ 196.962.774 phiếu, đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp

- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0

- Số phiếu tán thành: 196.962.774 phiếu/ 196.962.774 phiếu, đạt tỷ lệ 100%

- Số phiếu không tán thành: 0

- Số phiếu không có ý kiến: 0

Như vậy, Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024, nhiệm kỳ 2020 – 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025, nhiệm kỳ 2025 – 2030 đã được thông qua với tỷ lệ cổ phần biểu quyết tán thành đạt 100% tổng số CP có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

**13. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát về thẩm định báo cáo tài chính và nội dung liên quan hoạt động năm 2024 của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP; Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024 và tổng kết nhiệm kỳ 2020 – 2025, định hướng nhiệm kỳ 2025 – 2030.**

***Kết quả biểu quyết:***

\* Hình thức biểu quyết: Thờ biểu quyết



\* Tỷ lệ biểu quyết:

- Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: 196.962.774 phiếu/ 196.962.774 phiếu, đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu hợp lệ: 196.962.774 phiếu/ 196.962.774 phiếu, đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0
- Số phiếu tán thành: 196.962.774 phiếu/ 196.962.774 phiếu, đạt tỷ lệ 100%
- Số phiếu không tán thành: 0
- Số phiếu không có ý kiến: 0

Như vậy, Báo cáo của Ban Kiểm soát về thẩm định báo cáo tài chính và nội dung liên quan hoạt động năm 2024 của Tổng công ty Khoáng sản TKV - CTCP; Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024 và tổng kết nhiệm kỳ 2020 -2025, định hướng nhiệm kỳ 2025-2030 đã được thông qua với tỷ lệ cổ phần biểu quyết tán thành đạt 100% tổng số CP có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

#### **14. Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025.**

**Kết quả biểu quyết:**

\* Hình thức biểu quyết: Thẻ biểu quyết

\* Tỷ lệ biểu quyết:

- Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: 196.962.774 phiếu/ 196.962.774 phiếu, đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu hợp lệ: 196.962.774 phiếu/ 196.962.774 phiếu, đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0
- Số phiếu tán thành: 196.962.774 phiếu/ 196.962.774 phiếu, đạt tỷ lệ 100%
- Số phiếu không tán thành: 0
- Số phiếu không có ý kiến: 0

Như vậy, nội dung lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 đã được thông qua với tỷ lệ cổ phần biểu quyết tán thành đạt 100% tổng số CP có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

#### **15. Thông qua Hợp đồng khai thác, sàng tuyển, chế biến khoáng sản năm 2025 với TKV (trừ cổ đông TKV)**

**Kết quả biểu quyết:**

\* Hình thức biểu quyết: Thẻ biểu quyết

\* Tỷ lệ biểu quyết:

- Tổng số phiếu có quyền biểu quyết: 844.874 phiếu/ 844.874 phiếu, đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu hợp lệ: 844.874 phiếu/ 844.874 phiếu, đạt tỷ lệ 100% trên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp
- Tổng số phiếu không hợp lệ: 0
- Số phiếu tán thành: 844.874 phiếu/ 844.874 phiếu, đạt tỷ lệ 100%
- Số phiếu không tán thành: 0
- Số phiếu không có ý kiến: 0



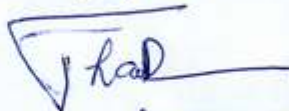
Như vậy, Hợp đồng khai thác, sàng tuyển, chế biến khoáng sản năm 2025 với TKV đã được thông qua với tỷ lệ cổ phần biểu quyết tán thành đạt 100% tổng số CP có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

**CHỮ KÝ CỦA CÁC THÀNH VIÊN BAN KIỂM TRA KQ BIỂU QUYẾT**

1. Ông Nguyễn Thanh Long - Trưởng Ban



2. Ông Đỗ Hoàng Thái - Thành viên



3. Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thành viên



4. Bà Nguyễn Ngọc Diệp - Thành viên



5. Bà Vũ Thanh Hằng - Thành viên

